

Số: /TTr-UBND

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

## TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 639/TTr-SNNMT ngày 17/5/2026, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, với các nội dung sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

#### 1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;
- Căn cứ khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035 quy định: “*Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình này và các chương trình mục tiêu quốc gia khác phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả.*”;
- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, quy định nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: “Xây

*dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: ... nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, vốn tự cân đối của ngân sách địa phương) thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương”;*

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 9 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030, quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: *“Căn cứ điều kiện thực tế, nghiên cứu, xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”*.

Từ những căn cứ pháp lý nêu trên, đảm bảo đầy đủ cơ sở UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Giai đoạn 2021-2025, 03 Chương trình MTQG (xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) được triển khai đồng bộ trên phạm vi cả nước, góp phần quan trọng cải thiện kết cấu hạ tầng nông thôn, nâng cao đời sống Nhân dân, giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng. Để đảm bảo việc phân bổ vốn đúng quy định Luật Đầu tư công, quản lý tập trung thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách tạo quyền chủ động cho các cấp chính quyền địa phương, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Trên cơ sở đó, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai (trước sáp nhập) đã ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm

nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh<sup>1</sup>. Kết quả của việc phân bổ vốn đã đảm bảo tính công khai, minh bạch, qua đó đã nhận được sự đồng tình của các đơn vị, địa phương thụ hưởng.

Bước sang giai đoạn 2026-2030, Quốc hội đã quyết định tích hợp 03 Chương trình MTQG thành một Chương trình thống nhất theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 quy định: “*Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình này và các chương trình mục tiêu quốc gia khác phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả.*”;

Nhằm đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và tạo quyền chủ động cho các địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất bố trí kinh phí để thực hiện việc đối ứng theo quy định; việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết mới Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh tỉnh Gia Lai là hết sức cần thiết, đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định hiện hành.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích ban hành**

- Việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà

<sup>1</sup> (1) Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; (2) Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; (3) Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định; (4) Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 03 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định kèm theo nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định; (5) Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025. (6) Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3 Điều 9 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. (7) Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (8) Nghị quyết số 60/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (9) Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (10) Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương nhằm bảo đảm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật, trọng tâm, trọng điểm và đảm bảo đúng quy định tại Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ;

- Giúp các địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động, đề xuất và bố trí kinh phí đối ứng theo quy định nhằm thực hiện đạt mục tiêu Chương trình.

## **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

a) Việc xây dựng Nghị quyết bám sát đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

b) Đảm bảo sự phù hợp về thẩm quyền ban hành Nghị quyết; trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành Nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

c) Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với quy định pháp luật liên quan và tình hình thực tế tại địa phương; đảm bảo sự công khai, minh bạch trong quá trình xây dựng Nghị quyết.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Trên cơ sở căn cứ pháp lý và thực tiễn tại địa phương, sau khi rà soát, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã trình UBND tỉnh đăng ký nội dung Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, trình HĐND tỉnh tại kỳ họp chuyên đề tháng 5 của HĐND tỉnh khoá XIII, nhiệm kỳ 2026-2031.

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường họp Tổ soạn thảo, lấy ý kiến bằng văn bản một số sở, ngành có liên quan (lần 1) tại Văn bản số 4077/SNNMT-PTNT ngày 21/4/2026; Hoàn thiện dự thảo lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Sở, ngành, UBND các xã, phường (lần 2) tại Văn bản số 4406/SNNMT-PTNT ngày 28/4/2026; Hoàn thiện dự thảo lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Sở, ngành, UBND các xã, phường (lần 3) tại Văn bản số 4635/SNNMT-PTNT ngày 05/5/2026; Đăng tải lấy ý kiến đối tượng thụ hưởng trên cổng thông tin điện tử UBND tỉnh tại Văn bản số 4407/SNNMT-PTNT ngày 28/4/2026. Trên cơ sở góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết và gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số 5082/SNNMT-PTNT ngày 15/5/2026.

Sau khi có Báo cáo thẩm định số 429/BC-STP ngày 16/5/2026 của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, đảm bảo đủ điều kiện để trình UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **a) Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết tắt là Chương trình); áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026-2030.

#### **b) Đối tượng áp dụng**

a) Sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

### **2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết**

Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, gồm có 03 Chương, 08 Điều cụ thể:

#### **Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

#### **Chương II: NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương

Điều 5. Mức bố trí vốn đối ứng, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách địa phương

Điều 6. Tỷ lệ đối ứng vốn đầu tư công ngân sách địa phương

#### **Chương III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Điều 8. Điều khoản thi hành

### **3. Nội dung cơ bản**

Nội dung của Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và cơ bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của Nghị quyết với hệ thống pháp luật; đồng thời, nội dung quy

định nguyên tắc tiêu chí định mức phân bổ vốn của dự thảo Nghị quyết bám sát theo Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg và phù hợp với đặc điểm từng địa phương trên địa bàn tỉnh.

Một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, tóm tắt như sau:

### **3.1. Nguyên tắc phân bổ**

3.1.1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công, Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3.1.2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới và hải đảo nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

3.1.3. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ.

3.1.4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình hằng năm phải căn cứ trên khả năng cân đối ngân sách; mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đánh giá tình hình thực hiện, sử dụng, giải ngân kế hoạch vốn năm trước liền kề.

### **3.2. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương**

Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN và số xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo và các xã còn lại trên địa bàn tỉnh. Mức phân bổ vốn của từng xã theo tiêu chí này được xác định bằng hệ số phân bổ quy định tại khoản này nhân với số lượng thôn, xã tương ứng của xã, cụ thể như sau:

- a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1.
- b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo: Hệ số 50.
- c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40.
- d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30.
- đ) Xã còn lại: Hệ số 25.

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản này thì chỉ được áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong số các đối tượng đó, không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

### **3.3. Mức bố trí vốn đối ứng, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách địa phương**

#### **3.3.1. Mức bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương:**

a) Trên cơ sở nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương cho tỉnh Gia Lai, căn cứ tổng điểm của tỉnh được xác định theo các tiêu chí về: Điểm theo tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương; Điểm theo quy mô số xã; Điểm theo tỷ lệ nghèo đa chiều; Điểm theo quy mô dân số dân tộc thiểu số được quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg và các văn bản pháp luật khác có liên quan, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí kinh phí địa phương tối thiểu bằng 1,25 lần tổng vốn hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình từ ngân sách trung ương.

b) Đối với nguồn kinh phí thường xuyên, ngân sách tỉnh đảm bảo 100% vốn đối ứng để thực hiện Chương trình.

c) Đối với vốn đầu tư công, các xã, phường có trách nhiệm bố trí ngân sách xã, phường giai đoạn 5 năm, cân đối ngân sách địa phương hằng năm để thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, bảo đảm không thấp hơn tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này.

#### **3.3.2. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương**

Bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác phân bổ cho các sở, ngành và các xã, phường trên địa bàn tỉnh để thực hiện các nội dung của Chương trình trong đó bao gồm các đối tượng không được sử dụng vốn ngân sách trung ương theo khoản 3 Điều 7 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg, cụ thể:

a) Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN, trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập cho người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn; hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn; thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực; rà soát đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; hỗ trợ thực hiện xây dựng nông thôn mới ở phường được hình thành từ việc sắp xếp với đơn vị hành chính xã và có diện tích đất nông nghiệp chiếm từ 70% trở lên so với tổng diện tích đất tự nhiên của phường tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025.

b) Hỗ trợ xã thuộc kế hoạch hoặc phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030.

c) Hỗ trợ thực hiện các nội dung ở cấp tỉnh thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN, trong đó ưu tiên các dự án phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập cho người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ ở các cấp; tổ chức hoặc tham gia Hội nghị, hội thảo thuộc Chương trình. Thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm. Thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Phát triển du lịch nông thôn. Tổ chức thực hiện các Phong trào thi đua “Cả nước thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN” trên địa bàn tỉnh. Thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm. Đầu tư xây mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gồm Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai, Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn, Trường Cao đẳng Gia Lai). Thực hiện các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; Các hoạt động nhằm phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Các hoạt động bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

### 3.3.3. Tiêu chí phân bổ ngân sách địa phương

#### 3.3.3.1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã, phường

Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách địa phương cho các xã, phường được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN và số xã, phường khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo, số xã, phường thuộc kế hoạch hoặc phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và các xã còn lại trên địa bàn tỉnh. Mức phân bổ vốn của từng xã, phường được xác định bằng hệ số phân bổ quy định cụ thể như sau:

- a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1.
- b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo; xã, phường thực hiện và phấn đấu đạt nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030: Hệ số 50.
- c) Xã, phường khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN; xã, phường thực hiện và phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: Hệ số 40.
- d) Xã, phường khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30.
- đ) Phường còn lại (*bố trí kinh phí thường xuyên ngân sách tỉnh để thực hiện các nội dung thuộc Chương trình*): Hệ số 30.
- e) Xã còn lại: Hệ số 25.



Trường hợp một xã, phường đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên theo quy định tại điểm b, c, d, đ, e khoản này thì chỉ được áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong số các đối tượng đó, không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

3.3.3.2. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương cho các xã, phường: Thực hiện tương tự theo khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này.

3.3.3.3. Đối với các sở, ban, ngành của tỉnh: Căn cứ nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, phân bổ cho các sở, ban, ngành không vượt quá 10% tổng vốn ngân sách tỉnh trong giai đoạn 2026-2030 và hằng năm thực hiện Chương trình.

### **3.4. Tỷ lệ đối ứng vốn đầu tư công ngân sách địa phương**

a) Đối với các công trình, dự án do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức thực hiện: Ngân sách tỉnh bảo đảm 100% vốn đối ứng.

b) Đối với các công trình, dự án do cấp xã tổ chức thực hiện: Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và hỗ trợ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

## **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THỰC HIỆN VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH**

### **1. Nguồn lực về tổ chức, bộ máy**

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương trung hạn giai đoạn 2026-2030 và hằng năm cho các sở, ban, ngành, các địa phương để thực hiện Chương trình, gửi Sở Tài chính để tổng hợp và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Sở Tài chính: Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính cân đối nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình giai đoạn 5 năm, hằng năm; tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước hằng năm, giai đoạn 5 năm cho các sở, ban, ngành và địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật có liên quan.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường: Xây dựng kế hoạch bảo đảm sát nhu cầu thực tế và cân đối, bố trí ngân sách địa phương, huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình trên địa bàn, phấn đấu hoàn thành mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt.

Do vậy, nguồn lực về tổ chức, bộ máy đảm bảo triển khai Nghị quyết sau khi được HĐND tỉnh thông qua.

### **2. Nguồn kinh phí thực hiện**

Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và huy động từ nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới,

giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

### **3. Điều kiện đảm bảo việc thi hành Nghị quyết**

Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh.

### **4. Thời gian trình thông qua Nghị quyết**

Trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết kỳ họp chuyên đề tháng 5 năm 2026, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026-2031.

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị quyết HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

*(Đính kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo số 429/BC-STP ngày 16/5/2026 của Sở Tư pháp về thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các Sở, địa phương; các tài liệu khác có liên quan).*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc - HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, TC, DTTG;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, C4, N2.

**Dương Mah Tiệp**

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 29 tháng 5 năm 2026

(Dự thảo)

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;*

*Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;*

*Xét Tờ trình số 690/TTr-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-BDT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&MN) giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết tắt là Chương trình); áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026-2030.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

## **Chương II**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 3. Nguyên tắc phân bổ**

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15, Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 141/2026/QH15, Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách nhà nước ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới và hải đảo nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững;

3. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ;

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình hằng năm phải căn cứ trên khả năng cân đối ngân sách; mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đánh giá tình hình thực hiện, sử dụng, giải ngân kế hoạch vốn năm trước liền kề.

#### **Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương**

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã

Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN và số xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo và các xã còn lại trên địa bàn tỉnh. Mức phân bổ vốn của từng xã theo tiêu chí này được xác định bằng hệ số phân bổ quy định tại khoản này nhân với số lượng thôn, xã tương ứng của xã, cụ thể như sau:

- a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1.
- b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo: Hệ số 50.
- c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40.
- d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30.
- đ) Xã còn lại: Hệ số 25.

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản này thì chỉ được áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong số các đối tượng đó, không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

## 2. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã

### a) Xác định tổng điểm của một xã

Tổng điểm theo tiêu chí phân bổ của xã  $i$  được xác định như sau:

$$X_i = (1 \times TDK_i) + K$$

Trong đó:

$X_i$ : Tổng điểm phân bổ của xã  $i$ ;

$TDK_i$ : Số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN của xã  $i$  quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này;

$K$ : Hệ số phân bổ tương ứng với từng đối tượng xã quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều này.

### b) Xác định tổng điểm phân bổ của cả tỉnh

$$X_{GL} = \sum_{i=1}^n X_i$$

Trong đó:

$X_{GL}$ : Tổng điểm phân bổ của các xã trên địa bàn tỉnh;

$n$ : Tổng số xã trên địa bàn tỉnh.

### c) Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ

$$G = \frac{V_{TW}}{X_{GL}}$$

Trong đó:

$G$ : Giá trị của một (01) điểm phân bổ (đồng/điểm);

$V_{TW}$ : Tổng vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh;

$X_{GL}$ : Tổng điểm phân bổ của các xã trên địa bàn tỉnh.

d) Xác định mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho một xã

Mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã  $i$  được xác định như sau:

$$V_i = X_i \times G$$

Trong đó:

$V_i$ : Mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã  $i$ ;

$X_i$ : Tổng điểm phân bổ của xã  $i$ ;

$G$ : Giá trị của một (01) điểm phân bổ (đồng/điểm).

### 3. Căn cứ xác định số liệu

a) Số lượng xã của địa phương được xác định theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Số lượng thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN do Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030 (Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030).

c) Số lượng xã khu vực biên giới đất liền, xã khu vực biên giới biển theo Phụ lục I và II ban hành kèm theo Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia.

d) Số lượng xã đảo do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, công nhận tại Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc công bố xã Nhơn Châu thuộc tỉnh Gia Lai là đơn vị hành chính cấp xã ở hải đảo.

## **Điều 5. Mức bố trí vốn đối ứng, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách địa phương**

### 1. Mức bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương

a) Trên cơ sở nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương cho tỉnh Gia Lai, căn cứ tổng điểm của tỉnh được xác định theo các tiêu chí về: Điểm theo tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương; Điểm theo quy mô số xã; Điểm theo tỷ lệ nghèo đa chiều; Điểm theo quy mô dân số dân tộc thiểu số được quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg và các văn bản pháp luật khác có liên quan, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí kinh phí địa phương tối thiểu bằng 1,25 lần tổng vốn hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình từ ngân sách trung ương.

b) Đối với nguồn vốn sự nghiệp, ngân sách tỉnh đảm bảo 100% vốn đối ứng để thực hiện Chương trình.

c) Đối với vốn đầu tư công, các xã, phường có trách nhiệm bố trí ngân sách xã, phường giai đoạn 5 năm, cân đối ngân sách địa phương hằng năm để thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, bảo đảm không thấp hơn tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này.

## 2. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương

Bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác phân bổ cho các sở, ngành và các xã, phường trên địa bàn tỉnh để thực hiện các nội dung của Chương trình trong đó bao gồm các đối tượng không được sử dụng vốn ngân sách trung ương theo khoản 3 Điều 7 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg, cụ thể:

a) Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN, trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập cho người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn; hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn; thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực; rà soát đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; hỗ trợ thực hiện xây dựng nông thôn mới ở phường được hình thành từ việc sắp xếp với đơn vị hành chính xã và có diện tích đất nông nghiệp chiếm từ 70% trở lên so với tổng diện tích đất tự nhiên của phường tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025.

b) Hỗ trợ xã thuộc kế hoạch và phân đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030.

c) Hỗ trợ thực hiện các nội dung ở cấp tỉnh thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN, trong đó ưu tiên các dự án phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập cho người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ ở các cấp; tổ chức hoặc tham gia Hội nghị, hội thảo trong tỉnh và ngoài tỉnh thuộc Chương trình. Thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm. Thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Phát triển du lịch nông thôn. Tổ chức thực hiện các Phong trào thi đua “Cả nước thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN” trên địa bàn tỉnh. Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Đầu tư xây mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gồm Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai, Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn, Trường Cao đẳng Gia Lai). Thực hiện các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; Các hoạt động tuyên truyền, vận động, giám sát và phản biện xã hội; phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Các hoạt động bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

## 3. Tiêu chí phân bổ ngân sách địa phương

### 3.1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã, phường

Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách địa phương cho các xã, phường được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN và số xã, phường khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo, số xã, phường thuộc kế hoạch và phân đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và các xã còn lại trên địa bàn tỉnh. Mức phân bổ vốn của từng xã, phường được xác định bằng hệ số phân bổ quy định cụ thể như sau:

- a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1.
- b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo; xã, phường thực hiện và phấn đấu đạt nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030: Hệ số 50.
- c) Xã, phường khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN; xã, phường thực hiện và phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: Hệ số 40.
- d) Xã, phường khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30.
- đ) Phường còn lại (*bố trí kinh phí thường xuyên ngân sách tỉnh để thực hiện các nội dung thuộc Chương trình*): Hệ số 30.

Trường hợp một xã, phường đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản này thì chỉ được áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong số các đối tượng đó, không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

3.2. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương cho các xã, phường: Thực hiện tương tự theo khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này.

3.3. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh: Căn cứ nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, phân bổ cho các sở, ban, ngành, đơn vị không vượt quá 10% tổng vốn ngân sách tỉnh trong giai đoạn 2026-2030 và hằng năm thực hiện Chương trình.

### **Điều 6. Tỷ lệ đối ứng vốn đầu tư công ngân sách địa phương**

1. Đối với các công trình, dự án do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức thực hiện: Ngân sách tỉnh bảo đảm 100% vốn đối ứng.

2. Đối với các công trình, dự án do cấp xã tổ chức thực hiện: Tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các xã, phường được áp dụng tương ứng với tỷ lệ mức hỗ trợ ngân sách tỉnh cho các dự án trên địa bàn các xã, phường được quy định tại Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và hỗ trợ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

## **Chương III**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

- 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.



2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

2. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình quy định tại Nghị quyết này áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026 - 2030.

3. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025;

b) Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

4. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá XIII, Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026./.*

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 7;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

### **CHỦ TỊCH**

**Rah Lan Chung**

Gia Lai, ngày      tháng      năm 2026

**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC  
PHÂN BỐ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG  
VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI  
GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

(Kèm theo Tờ trình số:      /TTr-SNNMT ngày      tháng      năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

| STT | Tên Chương trình                                      | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                  | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                               | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ                                                                                                                                                                                                                                                                                      | THUYẾT MINH                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   |                                                       | <b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b>                                                                                                                                                                                                                       | <b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b>                                                                                                                                                                                                  | <b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 1.1 | Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới <sup>1</sup> | Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025. | Quy định này quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. | Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh | Căn cứ theo Điều 1 Quyết định số: 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ:<br>Quyết định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục |

| STT | Tên Chương trình                                                                 | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                  | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ                 | THUYẾT MINH                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.2 | Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững <sup>2</sup>                               | Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025.                                                                     | Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.                                                                                                                                                                                     | Gia Lai; áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026-2030. | tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026- 2030; áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026-2030.                 |
| 1.3 | Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN <sup>3</sup> | Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 | Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm (gồm ngân sách Trung ương và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai |                                                             | - Điều chỉnh để phù hợp với việc sáp nhập địa giới hành chính giữa tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) và tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) thành tỉnh Gia Lai (mới) và theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội. |
| 2   |                                                                                  | <b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b>                            |                                                                                                                                                                                                                              |
| 2.1 | Chương trình MTQG                                                                | 1. Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1. Sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã,         | Căn cứ theo Điều 2 Quyết định số:                                                                                                                                                                                            |

| STT | Tên Chương trình                      | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                             | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ                                                                                                                                                                                                                                                | THUYẾT MINH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | xây dựng nông thôn mới                | dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.<br>2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025. | xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã;<br>2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.                                                                                                                                                                                                                            | phường và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.<br>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình. | 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ:<br>1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi tắt là bộ, cơ quan trung ương); các tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là địa phương) và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.<br>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình. |
| 2.2 | Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững | 1. Sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình.<br>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.                    | 1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.<br>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình MTGG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

| STT | Tên Chương trình                                                    | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                              | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ                                                                                                                                                                                                                       | THUYẾT MINH                                                                                                                                                                                                  |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2.3 | Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN | 1. Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.<br>2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025. | 1. Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.<br>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025. |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                              |
| 3   |                                                                     | <b>Điều 3. Nguyên tắc phân bổ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>Điều 3. Nguyên tắc phân bổ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>Điều 3. Nguyên tắc phân bổ</b>                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                              |
| 3.1 | Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới                            | 1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công, Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân                                                                                | Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và                                                                                                                      | 1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công, Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối | Căn cứ theo Điều 3 Quyết định số: 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ:<br>1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao |

| STT | Tên Chương trình | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                     | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | THUYẾT MINH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                  | <p>sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững. Đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo quyền chủ động, linh hoạt cho các địa phương, các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, dễ thực hiện.</p> <p>3. Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã đạt dưới 15 tiêu chí (trừ 20</p> | <p>tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.</p> | <p>ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 và các văn bản pháp luật khác có liên quan;</p> <p>2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách nhà nước ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới và hải đảo nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững;</p> <p>3. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ;</p> <p>4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối</p> | <p>nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững;</p> <p>2. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ;</p> <p>3. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 đã được Quốc hội thông qua, ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình theo nguyên tắc sau:</p> <p>a) Ngân sách trung ương chỉ hỗ trợ các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương, ưu tiên các địa phương nhận bổ sung</p> |

| STT | Tên Chương trình | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp) | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ                                                                                                                                                                               | THUYẾT MINH                                                                                                                                                                                       |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                  | <p>xã thuộc khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã được bố trí vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo các tiêu chí, hệ số ưu tiên phân bổ được quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 90/2022/QĐ-TTg ngày 18/1/2022 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 - sau đây gọi tắt là các xã đặc biệt khó khăn).</p> <p>4. Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và</p> |                                                                      | <p>ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình hằng năm phải căn cứ trên khả năng cân đối ngân sách; mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đánh giá tình hình thực hiện, sử dụng, giải ngân kế hoạch vốn năm trước liên kế.</p> | <p>cân đối từ 70% trở lên;<br/>b) Các địa phương tự cân đối ngân sách có trách nhiệm bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn.</p> |

| STT | Tên Chương trình                      | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                                            | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ | THUYẾT MINH |
|-----|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
|     |                                       | <p>bảo đảm bền vững.</p> <p>5. Hỗ trợ các huyện thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao cấp huyện giai đoạn 2021-2025.</p> <p>6. Địa phương chủ động cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.</p> <p>7. Bố trí vốn ngân sách trung ương cho các sở, ban, ngành và địa phương để thực hiện công tác quản lý chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung thành phần của Chương trình, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> |                                                                                                                                                                 |                                             |             |
| 3.2 | Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững | 1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1. Việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai phải tuân thủ các |                                             |             |



| STT | Tên Chương trình | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ | THUYẾT MINH |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
|     |                  | <p>ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.</p> <p>2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các cấp.</p> <p>3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là huyện nghèo.</p> <p>4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách Trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế</p> | <p>quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Việc phân bổ vốn phải thực hiện theo các tiêu chí và định mức phân bổ vốn quy định tại Quy định này.</p> <p>3. Việc phân bổ vốn phải bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các huyện, thị xã, thành phố; trọng tâm là các huyện nghèo; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng.</p> <p>4. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm</p> |                                             |             |

| STT | Tên Chương trình                                                    | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ | THUYẾT MINH |
|-----|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
|     |                                                                     | hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.<br>5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.                                                                                                                                                                      | nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.<br>5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.                                                                                                  |                                             |             |
| 3.3 | Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN | 1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách | 1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, |                                             |             |

| STT | Tên Chương trình | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ | THUYẾT MINH |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
|     |                  | <p>trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ) và các văn bản pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Phân bổ vốn cần bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm đúng đối tượng, đúng nội dung, không vượt quá tổng mức vốn đầu tư, vốn sự nghiệp và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> | <p>tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Ưu tiên bố trí thêm ngân sách địa phương để thực hiện một số lĩnh vực sau:</p> <p>a) Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&amp;MN).</p> <p>b) Phát triển dân cư vùng biên giới; ổn định dân cư vùng đồng bào DTTS&amp;MN (ưu tiên cho địa bàn đặc biệt khó khăn), chú trọng xây dựng kết cấu hạ tầng và quy hoạch, bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư phù hợp với</p> |                                             |             |

| STT | Tên Chương trình | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ | THUYẾT MINH |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
|     |                  | <p>3. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn trước nhưng chưa đủ nguồn lực thực hiện đã được tích hợp tại nội dung Chương trình; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn, bản khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; phân bổ vốn đầu tư Chương trình tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.</p> <p>4. Đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo sự</p> | <p>cảnh quan, địa hình khu vực và đặc điểm kiến trúc của đồng bào dân tộc thiểu số.</p> <p>c) Huy động trẻ em trong độ tuổi đi học đến lớp; củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú; tổ chức tốt việc dạy - học, nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh bán trú, nội trú; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với nhà giáo, học sinh; đảm bảo đào tạo nghề nông thôn có địa chỉ và nhu cầu học tập của mọi người; dạy tiếng nói, chữ viết các DTTS.</p> <p>d) Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng tỉnh Gia Lai giàu bản sắc văn hóa dân tộc.</p> <p>3. Ngân sách tỉnh đảm bảo bố trí đủ vốn đối ứng cho cả</p> |                                             |             |

| STT | Tên Chương trình | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ | THUYẾT MINH |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
|     |                  | <p>chủ động, linh hoạt cho các địa phương, các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương, từng vùng theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, dễ thực hiện.</p> <p>5. Ngân sách trung ương phân bổ vốn kế hoạch hằng năm cho các địa phương thực hiện Chương trình theo kết quả giải ngân của năm trước năm kế hoạch; ưu tiên phân bổ cho các địa phương, các dự án, tiểu dự án, nội dung của Chương trình bảo đảm tiến độ giải ngân.</p> <p>6. Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành</p> | <p>Chương trình theo tỷ lệ được quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.</p> <p>4. Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>5. Các sở, ban, ngành và địa phương tham gia thực hiện Chương trình căn cứ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước được giao xây dựng kế hoạch thực hiện, xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp chung, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ủy ban Dân tộc theo quy định.</p> <p>6. Nguồn vốn phân bổ hằng năm của Chương trình phải</p> |                                             |             |

| STT | Tên Chương trình                         | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                  | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                          | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | THUYẾT MINH                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                          | tiết kiệm, chống lãng phí.                                                                                                                                                                                                                                                                                              | phù hợp với kế hoạch trung hạn được cấp có thẩm quyền thông qua và khả năng cân đối ngân sách hằng năm; ưu tiên bố trí vốn hoàn thành các chương trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm trước sang năm sau; ưu tiên các địa phương giải ngân nhanh để tạo điều kiện sớm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 4   |                                          | <b>Điều 5: Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương</b>                                                                                                                                                                                                                              | <b>Điều 5. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương</b>                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 4.1 | Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới | 1. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho 93 xã (căn cứ số xã tính đến hết năm 2021 là 113 xã trừ 20 xã đặc biệt khó khăn) thực hiện Chương trình tính đến hết năm 2021, như sau:<br>a) Xã đạt dưới 15 tiêu chí: Hệ số 5,0.<br>b) Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: Hệ số 3,0.<br>c) Xã đã được công nhận đạt | 1. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố theo đối tượng xã<br>Hệ số phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Chương trình (căn cứ số xã tính đến hết năm 2021, trừ các xã đặc biệt khó khăn) như sau:<br>a) Xã đạt dưới 15 tiêu chí:         | Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và số xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo và các xã còn lại trên địa bàn tỉnh. Mức phân bổ vốn của từng xã được xác định bằng hệ số phân bổ quy định cụ thể như | Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số: 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ<br>1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã<br>Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các địa phương theo khoản này được xác định |

| STT | Tên Chương trình | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                      | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | THUYẾT MINH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                  | <p>chuẩn nông thôn mới: Hệ số 1,0.</p> <p>2. Hệ số phân bổ cho 02 huyện Tây Sơn và Phù Mỹ thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 cao gấp 4 lần so với các xã dưới 15 tiêu chí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.</p> | <p>Hệ số 5,0.</p> <p>b) Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: Hệ số 3,0.</p> <p>c) Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 1,0.</p> <p>2. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các huyện theo đối tượng huyện</p> <p>a) Huyện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2021- 2025: Hệ số 20,0.</p> <p>b) Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai lựa chọn 02 huyện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025 để được hỗ trợ từ vốn ngân sách trung ương đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của tỉnh. Các huyện chủ động bố trí vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các xã, vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện theo quy định pháp luật.</p> | <p>sau:</p> <p>a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&amp;MN: Hệ số 1.</p> <p>b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&amp;MN, xã biên giới, xã đảo: Hệ số 50.</p> <p>c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&amp;MN: Hệ số 40.</p> <p>d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&amp;MN: Hệ số 30.</p> <p>đ) Xã còn lại: Hệ số 25.</p> <p>Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản này thì chỉ được áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong số các đối tượng đó, không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.</p> | <p>căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&amp;MN) và số xã (bao gồm: xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&amp;MN, xã An toàn khu (sau đây viết tắt là ATK), xã biên giới, xã đảo, đặc khu và các xã còn lại) của địa phương. Mức phân bổ vốn của từng địa phương theo tiêu chí này được xác định bằng hệ số phân bổ quy định tại khoản này nhân với số lượng thôn, xã tương ứng của địa phương, cụ thể như sau:</p> <p>a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&amp;MN: Hệ số 1;</p> <p>b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&amp;MN, xã ATK, xã biên giới, xã đảo: Hệ số 50;</p> <p>c) Xã khu vực II vùng</p> |

| STT | Tên<br>Chương<br>trình | VĂN BẢN QUY PHẠM<br>PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH<br>TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp) | VĂN BẢN QUY PHẠM<br>PHÁP LUẬT HIỆN<br>HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY<br>PHẠM PHÁP LUẬT<br>THAY THẾ | THUYẾT MINH                                                                                                                        |
|-----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                        |                                                                              | <p>3. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này</p> <p>Hệ số phân bổ cho các xã dựa vào số tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội, môi trường chưa đạt chuẩn của các xã theo kết quả đánh giá Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới của từng xã năm 2021 (gồm: Các tiêu chí số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 17.1, 17.4 và 17.5 tại Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg), cụ thể:</p> <p>Xã có ít nhất một tiêu chí trong các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội, môi trường chưa đạt chuẩn: Hệ số phân bổ cao gấp 1,5 lần so với các xã được quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Tiêu chí phân bổ cho các Chương trình chuyên đề,</p> |                                                   | <p>đồng bào DTTS&amp;MN: Hệ số 40;</p> <p>d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&amp;MN: Hệ số 30;</p> <p>đ) Xã còn lại: Hệ số 25.</p> |



| STT | Tên Chương trình                      | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ | THUYẾT MINH |
|-----|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
|     |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Chương trình vốn vay ADB thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 5 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                             |             |
| 4.2 | Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững | <p>1. Quy mô dân số của cấp huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2021.</p> <p>2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>3. Huyện khu vực miền núi, vùng cao, biên giới đất liền; đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.</p> | <p>1. Quy mô dân số, hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số căn cứ vào số liệu công bố tại Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.</p> <p>2. Các tiêu chí, hệ số được xây dựng có tính tương đối, hài hòa, phù hợp với thực tế tại địa phương. Trường hợp huyện, thị xã, thành phố đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.</p> |                                             |             |

| STT | Tên Chương trình                                                    | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ | THUYẾT MINH |
|-----|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
|     |                                                                     | <p>4. Huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025 và các Quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>5. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.</p> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                             |             |
| 4.3 | Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN | Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách (gồm vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho từng sở, ban, ngành và từng huyện được tổng hợp từ vốn phân bổ theo tỷ lệ %, tiêu chí phân bổ vốn của các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung được quy định từ Điều 6 đến Điều 15 của Quy định này.                                                                                           | <p>1. Tổng số vốn (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho từng Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh được tổng hợp từ vốn phân bổ cho từng Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh theo tỷ lệ % quy định trong tiêu chí phân bổ vốn của các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung của Quy định này.</p> <p>2. Tổng số vốn (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho các địa phương được</p> |                                             |             |

| STT | Tên Chương trình | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp) | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ                                       | THUYẾT MINH |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|     |                  |                                                                        | <p>tổng hợp từ vốn phân bổ cho Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của địa phương đó theo quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Vốn phân bổ của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung cho các địa phương được xác định như sau:</p> <p>Vốn phân bổ cho Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của địa phương K =</p> <p>(Tổng vốn phân bổ cho Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i – vốn phân bổ cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i) : (Tổng số điểm theo tiêu chí của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của tất cả các địa phương) x Điểm số của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ I của địa phương K (<math>X_{K,i}</math>)</p> |                                                                                   |             |
| 5   |                  | <b>Điều 6. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương</b>  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>Điều 5. Mức bố trí vốn đối ứng, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách địa</b> |             |

| STT | Tên Chương trình                         | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp) | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | THUYẾT MINH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5.1 | Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới | Giai đoạn 2021-2025, ngân sách địa phương tập trung đầu tư, hỗ trợ cho các xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu; các huyện thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Trong đó, hằng năm vốn đối ứng ngân sách tỉnh ưu tiên hỗ trợ cho các xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; đối với các xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu thực hiện theo Chính sách hỗ trợ xã xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025. | Không quy định                                                       | <b>phương</b><br>1.Mức bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương:<br><br>a) Trên cơ sở nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương cho tỉnh Gia Lai, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí kinh phí địa phương tối thiểu bằng 1,25 lần (125%) tổng vốn hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình từ ngân sách trung ương.<br><br>b) Đối với nguồn vốn sự nghiệp, ngân sách tỉnh đảm bảo 100% vốn đối ứng để thực hiện Chương trình.<br><br>c) Đối với vốn đầu tư công, | 1.Căn cứ theo khoản 2 Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu của ngân sách địa phương so với tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho địa phương thực hiện Chương trình được xác định trên cơ sở tổng điểm của từng địa phương theo các tiêu chí:<br>(1) Điểm theo tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương: Tỉnh Gia Lai tỷ lệ nhận hỗ trợ ngân sách trung ương năm 2026 là 35,4% (thuộc khoảng từ 30% đến dưới 40%): <b>130 điểm;</b><br>(2) Điểm theo quy mô số xã: Tỉnh Gia Lai có 110 xã (thuộc địa phương có từ 100 xã trở lên): <b>-5 điểm;</b> |
| 5.2 | Chương trình MTQG giảm nghèo             | Không quy định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Không quy định                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| STT | Tên Chương trình                                                                | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp) | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp) | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ                                                                                                                                                                                                                         | THUYẾT MINH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5.3 | bền vững<br>Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN | Không quy định                                                         | Không quy định                                                       | các xã, phường có trách nhiệm bố trí ngân sách xã, phường giai đoạn 5 năm, cân đối ngân sách địa phương hằng năm để thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, bảo đảm không thấp hơn tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này. | (3) Điểm theo tỷ lệ nghèo đa chiều: Tỉnh Gia Lai có tỷ lệ nghèo đa chiều 6,75% (thuộc khoảng từ 5% đến dưới 10%): <b>3 điểm</b> ;<br>(4) Điểm theo quy mô dân số dân tộc thiểu số: Tỉnh Gia Lai có 833.278 người DTTS (thuộc khoảng từ 700.000 đến dưới 1.000.000 người): - <b>3 điểm</b> ;<br><b>Tổng điểm của tỉnh Gia Lai là 125 điểm (130-5+3-3) → Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai là 1,25 lần (125%) tổng vốn hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình từ ngân sách trung ương.</b><br>2.Căn cứ khoản 3 Điều 7 <b>Quyết định số: 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ:</b><br>Địa phương có trách |

| STT | Tên Chương trình | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp) | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp) | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | THUYẾT MINH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                  |                                                                        |                                                                      | <p>2. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương</p> <p>Bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác phân bổ cho các sở, ngành và các xã, phường trên địa bàn tỉnh để thực hiện các nội dung của Chương trình trong đó bao gồm các đối tượng không được sử dụng vốn ngân sách trung ương theo khoản 3 Điều 7 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg, bao gồm:</p> <p>a) Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&amp;MN; ưu tiên hỗ trợ phường khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc phường vùng đồng bào DTTS&amp;MN thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; thực hiện xây dựng nông thôn mới ở phường theo quy định tại Phụ lục III Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-</p> | <p>nhiệm bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nội dung của Chương trình không sử dụng vốn ngân sách trung ương, bao gồm:</p> <p>a) Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&amp;MN; ưu tiên hỗ trợ phường khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc phường vùng đồng bào DTTS&amp;MN thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; thực hiện xây dựng nông thôn mới ở phường theo quy định tại Phụ lục III Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-</p> |

| STT | Tên<br>Chương<br>trình | VĂN BẢN QUY PHẠM<br>PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH<br>TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp) | VĂN BẢN QUY PHẠM<br>PHÁP LUẬT HIỆN<br>HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp) | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY<br>PHẠM PHÁP LUẬT<br>THAY THẾ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | THUYẾT MINH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                        |                                                                              |                                                                            | <p>hộ mới thoát nghèo, đồng bào DTTS trên địa bàn; hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào DTTS trên địa bàn; thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực; rà soát đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; hỗ trợ thực hiện xây dựng nông thôn mới ở phường được hình thành từ việc sắp xếp với đơn vị hành chính xã và có diện tích đất nông nghiệp chiếm từ 70% trở lên so với tổng diện tích đất tự nhiên của phường tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025.</p> <p>b) Hỗ trợ xã thuộc kế hoạch và phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030.</p> | <p>2030;</p> <p>b) Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới phấn đấu đạt nông thôn mới hiện đại (ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được hỗ trợ cho xã để đạt chuẩn nông thôn mới);</p> <p>c) Thực hiện xây dựng tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;</p> <p>d) Hỗ trợ thực hiện các nội dung khác ở cấp tỉnh, cấp xã do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.</p> |

| STT | Tên<br>Chương<br>trình | VĂN BẢN QUY PHẠM<br>PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH<br>TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp) | VĂN BẢN QUY PHẠM<br>PHÁP LUẬT HIỆN<br>HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp) | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY<br>PHẠM PHÁP LUẬT<br>THAY THẾ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | THUYẾT MINH |
|-----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|     |                        |                                                                              |                                                                            | c) Hỗ trợ thực hiện các nội dung ở cấp tỉnh thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN, trong đó ưu tiên các dự án phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập cho người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào DTTS trên địa bàn. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ ở các cấp; tổ chức hoặc tham gia Hội nghị, hội thảo thuộc Chương trình. Thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm. Thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào |             |



| STT | Tên Chương trình | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp) | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp) | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | THUYẾT MINH                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                  |                                                                        |                                                                      | <p>DTTS&amp;MN. Phát triển du lịch nông thôn. Tổ chức thực hiện các Phong trào thi đua “Cả nước thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&amp;MN” trên địa bàn tỉnh. Thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm. Đầu tư xây mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gồm Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai, Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn, Trường Cao đẳng Gia Lai). Thực hiện các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&amp;MN; Các hoạt động</p> | <p>3.Đề xuất hệ số phân bổ vốn ngân sách địa phương<br/>Hệ số phân bổ vốn ngân sách địa phương, ưu tiên hỗ trợ cho các thôn, xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&amp;MN, xã biên giới, hải đảo; đồng thời ưu tiên hỗ trợ xã thuộc kế hoạch thực hiện/phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, đạt nông</p> |

| STT | Tên Chương trình | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp) | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp) | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | THUYẾT MINH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                  |                                                                        |                                                                      | <p>nhằm phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&amp;MN. Các hoạt động bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.</p> <p>3. Tiêu chí phân bổ ngân sách địa phương</p> <p>3.1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã, phường</p> <p>Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách địa phương cho các xã, phường được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&amp;MN và số xã, phường khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&amp;MN, xã biên giới, xã đảo, số xã, phường thuộc kế hoạch/phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt</p> | <p>thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra đến năm 2030, toàn tỉnh có tối thiểu 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, có 10% số xã đạt nông thôn mới hiện đại; còn lại hỗ trợ cho xã, phường để thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và xây dựng nông thôn mới.</p> |

| STT | Tên<br>Chương<br>trình | VĂN BẢN QUY PHẠM<br>PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH<br>TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp) | VĂN BẢN QUY PHẠM<br>PHÁP LUẬT HIỆN<br>HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp) | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY<br>PHẠM PHÁP LUẬT<br>THAY THẾ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | THUYẾT MINH |
|-----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|     |                        |                                                                              |                                                                            | <p>và các xã còn lại trên địa bàn tỉnh. Mức phân bổ vốn của từng xã, phường được xác định bằng hệ số phân bổ quy định cụ thể như sau:</p> <p>a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&amp;MN: Hệ số 1.</p> <p>b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&amp;MN, xã biên giới, xã đảo; xã, phường thực hiện và phân đầu đạt nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030: Hệ số 50.</p> <p>c) Xã, phường khu vực II vùng đồng bào DTTS&amp;MN; xã, phường thực hiện và phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: Hệ số 40.</p> <p>d) Xã, phường khu vực I vùng đồng bào DTTS&amp;MN: Hệ số 30.</p> <p>đ) Phường còn lại (bố trí vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh để thực hiện các nội dung thuộc Chương trình):</p> |             |

| STT | Tên<br>Chương<br>trình | VĂN BẢN QUY PHẠM<br>PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH<br>TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp) | VĂN BẢN QUY PHẠM<br>PHÁP LUẬT HIỆN<br>HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp) | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY<br>PHẠM PHÁP LUẬT<br>THAY THẾ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | THUYẾT MINH |
|-----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|     |                        |                                                                              |                                                                            | <p>Hệ số 30.</p> <p>e) Xã còn lại: Hệ số 25.</p> <p>Trường hợp một xã, phường đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản này thì chỉ được áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong số các đối tượng đó, không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.</p> <p>3.2. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương cho các xã, phường: Thực hiện tương tự theo khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này.</p> <p>3.3. Đối với các sở, ban, ngành của tỉnh: Căn cứ nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, phân bổ cho các sở, ban, ngành không vượt quá 10% tổng vốn ngân sách tỉnh trong giai đoạn 2026-2030 và hằng năm thực hiện Chương trình.</p> |             |

| STT | Tên Chương trình               | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp) | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | THUYẾT MINH                                                                                                                                                                                                  |
|-----|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6   |                                | <b>Điều 6. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                      | <b>Điều 6. Tỷ lệ đối ứng vốn đầu tư công ngân sách địa phương</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                              |
| 6.1 | Chương trình MTQG xây dựng NTM | 1. Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu gấp 1,5 lần tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh.<br>2. Giai đoạn 2022-2025, ngân sách địa phương đối ứng thực hiện theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quy định này, cụ thể như sau:<br>2.1. Đối với huyện thực hiện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao<br>a) Huyện Tây Sơn: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách | Không quy định                                                       | 1. Đối với các công trình, dự án do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức thực hiện: Ngân sách tỉnh bảo đảm 100% vốn đối ứng.<br>2. Đối với các công trình, dự án do cấp xã tổ chức thực hiện: Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và hỗ trợ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà | Để đảm bảo hỗ trợ vốn cho các địa phương thực hiện Chương trình và thống nhất với nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh. |

| STT | Tên Chương trình | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp) | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ           | THUYẾT MINH |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------|
|     |                  | <p>tỉnh hỗ trợ tối đa 70%, ngân sách huyện (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.</p> <p>b) Huyện Phù Mỹ: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50%, ngân sách huyện (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.</p> <p>c) Huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ gấp 2 lần so với mức vốn trung ương và tỉnh hỗ trợ cho huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 và tối đa 50%, ngân sách huyện (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.</p> <p>2.2. Đối với các xã thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025</p> <p>a) Đối với 20 xã đặc biệt khó khăn thuộc các huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Tây Sơn và Hoài Ân (theo</p> |                                                                      | nước giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. |             |

| STT | Tên Chương trình | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp) | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ | THUYẾT MINH |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
|     |                  | <p><i>Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện theo cơ chế hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.</li> <li>- Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn có đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 tương đương với mức hỗ trợ của các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới của tỉnh để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của tỉnh. Hỗ trợ tối đa 90%, ngân sách huyện, xã (kể cả huy</li> </ul> |                                                                      |                                             |             |

| STT | Tên<br>Chương<br>trình | <b>VĂN BẢN QUY PHẠM<br/>PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH<br/>TỈNH BÌNH ĐỊNH</b><br><i>(trước sắp xếp)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>VĂN BẢN QUY PHẠM<br/>PHÁP LUẬT HIỆN<br/>HÀNH TỈNH GIA LAI</b><br><i>(trước sắp xếp)</i> | <b>DỰ THẢO VĂN BẢN QUY<br/>PHẠM PHÁP LUẬT<br/>THAY THẾ</b> | <b>THUYẾT MINH</b> |
|-----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                        | <p>động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.</p> <p>b) Đối với các xã còn lại thuộc 3 huyện An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 90%, ngân sách huyện, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.</p> <p>c) Đối với các xã thuộc 02 huyện Tây Sơn và Hoài Ân: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70%; ngân sách huyện, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.</p> <p>d) Đối với các xã thuộc các huyện còn lại: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50%; ngân sách huyện, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.</p> <p>đ) Đối với các xã thuộc các</p> |                                                                                            |                                                            |                    |



| STT | Tên<br>Chương<br>trình | <b>VĂN BẢN QUY PHẠM<br/>PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH<br/>TỈNH BÌNH ĐỊNH</b><br><i>(trước sắp xếp)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>VĂN BẢN QUY PHẠM<br/>PHÁP LUẬT HIỆN<br/>HÀNH TỈNH GIA LAI</b><br><i>(trước sắp xếp)</i> | <b>DỰ THẢO VĂN BẢN QUY<br/>PHẠM PHÁP LUẬT<br/>THAY THẾ</b> | <b>THUYẾT MINH</b> |
|-----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                        | <p>thị xã: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 40%; ngân sách thị xã, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.</p> <p>e) Đối với các xã thuộc thành phố Quy Nhơn: Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 30%; ngân sách thành phố, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại; ngân sách tỉnh không hỗ trợ.</p> |                                                                                            |                                                            |                    |

| STT | Tên Chương trình                      | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                               | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ | THUYẾT MINH |
|-----|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
| 6.2 | Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững | Ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách Trung ương, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách địa phương, các huyện, thị xã, thành phố bố trí vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác trên địa bàn hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo mục tiêu kế hoạch hằng năm và 5 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình, trong đó: Ngân sách tỉnh đối ứng phần kinh phí của các sở, ban, ngành của tỉnh và hỗ trợ đối ứng cho cấp huyện, cụ thể như sau:<br>1. Các huyện miền núi Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão: Ngân sách huyện đối ứng | Hằng năm, ngân sách địa phương bố trí đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và việc phân bổ vốn phải theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại Quy định này. |                                             |             |

| STT | Tên Chương trình                                                    | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp) | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ | THUYẾT MINH |
|-----|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
|     |                                                                     | <p>10%, ngân sách tỉnh đối ứng 90%.</p> <p>2. Các huyện trung du Hoài Ân, Tây Sơn: Ngân sách huyện đối ứng 30% ngân sách tỉnh đối ứng 70%.</p> <p>3. Các huyện Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ: Ngân sách huyện đối ứng 50%, ngân sách tỉnh đối ứng 50%.</p> <p>4. Các thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn: Ngân sách thị xã đối ứng 60%, ngân sách tỉnh đối ứng 40%.</p> <p>5. Đối với thành phố Quy Nhơn: Ngân sách thành phố đối ứng 70%, ngân sách tỉnh đối ứng 30%.</p> |                                                                      |                                             |             |
| 6.3 | Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN | <p>1. Hằng năm, ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng tối thiểu 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình và thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quy định này, cụ thể như sau:</p> <p>a) Đối với nguồn vốn của</p>                                                                                                                                                                                          | Không quy định                                                       |                                             |             |

| STT | Tên Chương trình | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp) | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ | THUYẾT MINH |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
|     |                  | <p>Chương trình giao cho các sở, ban, ngành tổ chức thực hiện: Ngân sách tỉnh bố trí đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.</p> <p>b) Đối với nguồn vốn của Chương trình giao cho các huyện tổ chức thực hiện.</p> <p>- Đối với huyện miền núi: Ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 90% trong tổng số 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình; ngân sách huyện bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 10% trong tổng số 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình;</p> <p>- Đối với các huyện còn lại: Ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 70% trong tổng số 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình; ngân sách huyện bố trí vốn đối ứng tối</p> |                                                                      |                                             |             |

| STT | Tên Chương trình | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH<br>(trước sắp xếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI<br>(trước sắp xếp) | DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ | THUYẾT MINH |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
|     |                  | <p>thiếu bằng 30% trong tổng số 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.</p> <p>2. Các địa phương bố trí đủ vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Đối với các địa phương không bố trí đủ vốn đối ứng trong năm kế hoạch theo quy định, khi phân bổ kế hoạch năm sau sẽ trừ tương ứng với số vốn đối ứng còn thiếu của địa phương.</p> |                                                                      |                                             |             |

<sup>1</sup> Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

<sup>2</sup> Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025.

Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3 Điều 9 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

<sup>3</sup> Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định;

Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 03 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định kèm theo nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định;

Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nghị quyết số 60/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**  
(Kèm theo Tờ trình số:      /TTr-SNNMT ngày      tháng      năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến góp ý: 13<sup>1</sup> và tổng số ý kiến nhận được: 08/13.  
2. Kết quả cụ thể như sau:

| STT | CHÍNH SÁCH<br>HOẶC NHÓM<br>VẤN ĐỀ, ĐIỀU,<br>KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý                            | NỘI DUNG GÓP Ý                    | NỘI DUNG TIẾP THU,<br>GIẢI TRÌNH |
|-----|---------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| 1   |                                                   | Sở Nội vụ (Văn bản số 2671/SNV-LĐVL ngày | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị |                                  |

<sup>1</sup> Các sở, ngành có thành viên tham gia Tổ soạn thảo: Văn phòng UBND tỉnh; Tư pháp; Tài chính, Nội vụ, Dân tộc và Tôn giáo, Y tế, Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo

|   |                               |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                     |
|---|-------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
|   |                               | 23/04/2026)                                          | quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                     |
| 2 | 1. Căn cứ ban hành            | Sở Tư pháp (Văn bản số 1351/STP-NV1 ngày 22/04/2026) | Đề nghị chỉnh sửa nội dung “ <u>Hội đồng nhân dân tỉnh</u> ” thành “ <u>Hội đồng nhân dân</u> ”                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa phần căn cứ ban hành |
|   | Khoản 1 Điều 4 dự thảo        |                                                      | Chuyển toàn bộ quy ước viết tắt “ <i>dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&amp;MN)</i> ” tại khoản này sang Điều 1 Dự thảo, tại lần xuất hiện đầu tiên của từ ngữ này trong Dự thảo.                                                                                                                                                                                                                                                     | Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo.               |
|   | Điểm b khoản 3 Điều 4 dự thảo |                                                      | Đề nghị chỉnh sửa quy định “ <i>Số lượng thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&amp;MN do Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ...</i> ” thành “ <i>Số lượng thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&amp;MN do Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố theo quy định tại <b>điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ...</b></i> ” | Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo.               |
|   | Điểm c khoản 3 Điều 4 dự thảo |                                                      | Cần nhắc, chỉnh sửa quy định “ <i>c) Số lượng xã khu vực biên giới đất liền, xã khu vực biên giới biển theo Phụ lục I và II quy định tại Nghị</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo.               |



|  |                               |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|--|-------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |                               |  | <p>định số 299/2025/NĐ-CP... ” thành “c) Số lượng xã khu vực biên giới đất liền, xã khu vực biên giới biển theo Phụ lục I và II <b><u>ban hành kèm theo</u></b> Nghị định số 299/2025/NĐ-CP... ” cho chính xác nội dung quy định.</p>                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|  | Khoản 2 Điều 5 dự thảo        |  | <p>Đề nghị Quý Sở rà soát, sử dụng thống nhất từ ngữ “<i>đồng bào DTTS&amp;MN</i>”, “<i>đồng bào DTTS</i>” vì hiện tại, việc sử dụng từ ngữ này trong Dự thảo chưa thống nhất.</p>                                                                                                                                             | <p>Giữ nguyên như dự thảo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng đồng bào DTTS&amp;MN, vùng đồng bào DTTS: được phân định theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ.</li> <li>- Đồng bào DTTS: chỉ nhóm đối tượng ưu tiên trong thực hiện chính sách.</li> </ul> |
|  | Điểm b khoản 2 Điều 5 dự thảo |  | <p>Đề nghị Quý Sở cân nhắc, quy định rõ nghĩa nội dung “b) <u>Hỗ trợ xã thuộc kế hoạch/phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030</u>”, không dùng dấu (/) để quy định nội dung trong văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>Theo đó, đề nghị chỉnh sửa nội dung tương tự tại khoản 3 Điều này cho phù hợp.</p> | <p>Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo.</p>                                                                                                                                                                                                                                                      |
|  | Điểm a khoản 1                |  | Sở cân nhắc, chỉnh sửa quy định                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tiếp thu góp ý và hoàn thiện                                                                                                                                                                                                                                                                      |

|  |                        |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                       |
|--|------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|  | Điều 6 dự thảo         |  | <p>“(Căn cứ theo Phụ lục 9: Cân đối và bổ sung ngân sách tỉnh cho ngân sách xã, phường theo <u>Nghị Quyết</u> số 73/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026)” thành “(Căn cứ theo Phụ lục 9 <b><u>ban hành kèm theo Nghị quyết</u></b> số 73/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026)”.</p> <p>Theo đó, đề nghị chỉnh sửa nội dung tương tự tại điểm b khoản 2 Điều này cho phù hợp.</p> | dự thảo.                              |
|  | Khoản 4 Điều 8 dự thảo |  | <p>Cân nhắc, chỉnh sửa quy định “<i>Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.</i>” thành “<i>Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng quy định tại <b><u>văn bản sửa đổi, bổ sung, thay</u></b></i>”</p>                                                                                                                                                                   | Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo. |

|   |                                                    |                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                       |
|---|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|   |                                                    |                                                                         | <b><u>thế đó</u></b> .” cho chính xác và rõ nghĩa nội dung quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                       |
|   | Nơi nhận của dự thảo                               |                                                                         | <p>- Đề nghị chỉnh sửa “<i>Cục Kiểm tra văn bản và <u>Quản lý xử lý vi phạm hành chính</u> - Bộ Tư pháp;</i>” thành “<i>Cục Kiểm tra văn bản và <b>Tổ chức thi hành pháp luật</b> - Bộ Tư pháp;</i>” cho chính xác.</p> <p>- Đề nghị chỉnh sửa “<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công;</i>” thành “<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công <b>tỉnh</b>;</i>” cho chính xác.</p> <p>- Đề nghị chỉnh sửa “<i>Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;</i>” thành “<i>Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai;</i>” cho chính xác.</p> | Tiếp thu góp ý và chỉnh sửa Nơi nhận của dự thảo      |
| 3 |                                                    | Sở Khoa học và Công nghệ (Văn bản số 01396/SKHCN-CĐS&BCVT - 21/04/2026) | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                       |
| 4 | Phụ lục V. Dân số dân tộc thiểu số từng xã, phường | Sở Dân tộc và Tôn giáo (Văn bản số 785/SDTTG-DT ngày 23/04/2026)        | Đề nghị lấy số dân tộc thiểu số từng xã, phường thông kê cuối năm năm 2025.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tiếp thu góp ý và đã điều chỉnh số liệu tại Phụ lục V |
| 5 | Điểm b và điểm c, khoản 2 Điều 4                   | Sở Công Thương (Văn bản số 1923/SCT-VP ngày 23/04/2026)                 | Đề nghị sửa lỗi tại điểm b và điểm c, khoản 2 Điều 4: “phân bổ” thành “phân bổ”.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tiếp thu góp ý và đã sửa lỗi chính tả.                |

|   |  |                                                                     |                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---|--|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6 |  | Sở Giáo dục và Đào tạo (Văn bản số 2168/SGDĐT-KHTC ngày 24/04/2026) | Đề nghị xem xét bổ sung Điều khoản chuyển tiếp để quy định cụ thể về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước ... đối với nguồn vốn được chuyển từ năm 2025 sang giai đoạn sau. | Các Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thuộc 03 Chương trình MTQG (nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, DTTS&MN) giai đoạn 2021-2025 của Bình Định và Gia Lai trước sáp nhập không còn phù hợp sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp và xã mới sau sáp nhập. Việc thực hiện nguồn vốn được chuyển từ năm 2025 sang năm 2026 được thực hiện theo Nghị quyết 257/2025/NQ-QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội. |
| 7 |  | Sở Xây dựng (Văn bản số 3050/SXD-GT ngày 22/04/2026)                | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 8 |  | Công an tỉnh (Văn bản số 4519/CAT-PV01 ngày 22/04/2026)             | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết; thống nhất về tỉ lệ phân bổ ngân sách tỉnh cho các sở, ban, ngành của tỉnh là không quá 10% tổng vốn ngân sách tỉnh.                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI (lần 2)**  
(Kèm theo Tờ trình số:      /TTr-SNNMT ngày      tháng      năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (lần 2).

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến góp ý: 146 (11 sở ngành và 135 xã, phường) và tổng số ý kiến nhận được: 25/146.
2. Kết quả cụ thể như sau:

| STT | CHÍNH SÁCH<br>HOẶC NHÓM<br>VẤN ĐỀ, ĐIỀU,<br>KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý                                                                        | NỘI DUNG GÓP Ý                              | NỘI DUNG TIẾP THU,<br>GIẢI TRÌNH |
|-----|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------|
| 1   |                                                   | Sở Khoa học và Công nghệ<br>(Văn bản số 01501/SKHCN-<br>CĐS&BCVT ngày<br>29/04/2026) | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị<br>quyết. |                                  |

|   |                    |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                       |
|---|--------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 2 |                    | Sở Nội vụ (Văn bản số 2815/SNV-TCBC ngày 29/04/2026) | <p>1. Về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp Đối với dự thảo Nghị quyết nêu trên không có nội dung phân cấp theo quy định, vì vậy Sở Nội vụ không tham gia đối với nội dung này.</p> <p>2. Về nguồn nhân lực: Sở Nội vụ thống nhất nội dung nguồn lực do cơ quan soạn thảo dự kiến tại dự thảo Tờ trình. Đồng thời, cơ quan soạn thảo bảo đảm đầy đủ các điều kiện, nguồn lực cần thiết để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết sau khi được ban hành.</p>                                                                                                                                              |                                       |
| 3 | 1. Căn cứ ban hành | Sở Tư Pháp (Văn bản số 1429/STP-NV1 ngày 29/04/2026) | <p>Đề nghị chỉnh sửa nội dung “Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết <u>Quy định</u> nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;” thành “Xét Tờ trình số /TTrUBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết <u>quy định</u> nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân</p> | Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo. |

|   |                        |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                       |
|---|------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|   |                        |                                                          | bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;”                                                                                                                                                                                                                                               |                                       |
|   | Khoản 1 Điều 3 Dự thảo |                                                          | <p>-Đề nghị chỉnh sửa cách viện dẫn các văn bản: Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công nhằm đảm bảo phù hợp theo kỹ thuật viện dẫn văn bản tại điểm a khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP)</p> <p>-Đề nghị chỉnh sửa cách viện dẫn Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg nhằm đảm bảo phù hợp theo kỹ thuật viện dẫn văn bản tại điểm b khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐCP)</p> | Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo. |
| 4 |                        | Sở Dân tộc và Tôn giáo<br>(823/SDTTG-DT ngày 29/04/2026) | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                       |
| 5 |                        | Sở Y tế (Văn bản số 3150/SYT-KHTC ngày                   | Nghị quyết đã được xây dựng cơ bản đầy đủ, bám sát quy định của pháp luật; nội dung quy định rõ phạm vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                       |

|   |                                      |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                       |
|---|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|   |                                      | 29/04/2026)                                                                     | điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn, bảo đảm thống nhất với các quy định của Trung ương và phù hợp với thực tiễn địa phương sau sáp nhập, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và an sinh xã hội. Trên cơ sở đó, Sở Y tế thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                       |
| 6 | Tại điểm b, c khoản 3.1 Mục 3 Điều 5 | Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới (Văn bản số 135/NTM ngày 30/04/2026) | <p>“b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&amp;MN, xã biên giới, xã đảo và xã, phường thực hiện hoặc phấn đấu đạt nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030: Hệ số 50.</p> <p>c) Xã, phường khu vực II vùng đồng bào DTTS&amp;MN và xã, phường thực hiện hoặc phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: Hệ số 40”.</p> <p>Điều chỉnh thành:</p> <p>“b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&amp;MN, xã biên giới, xã đảo; xã, phường thực hiện và phấn đấu đạt nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030: Hệ số 50.</p> <p>c) Xã, phường khu vực II vùng đồng bào DTTS&amp;MN; xã, phường thực hiện và phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: Hệ số 40.”</p> | Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo. |



|    |  |                                                            |                                          |  |
|----|--|------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--|
| 7  |  | Xã Xuân An (Văn bản số 1016/UBND-KT ngày 29/04/2026)       | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 8  |  | Xã Vân Canh (Văn bản số 753/CV-UBND ngày 29/04/2026)       | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 9  |  | Xã Ia Dreh (Văn bản số 603/UBND-KT ngày 29/04/2026)        | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 10 |  | Xã An Nhơn Tây (Văn bản số 574/UBND-KT ngày 29/04/2026)    | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 11 |  | Xã An Vinh (Văn bản số 527/UBND ngày 29/04/2026)           | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 12 |  | Xã Vĩnh Thạnh (Văn bản số 599/UBND-KT ngày 29/04/2026)     | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 13 |  | Xã Vạn Đức (Văn bản số 516/UBND ngày 29/04/2026)           | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 14 |  | Xã Phù Cát (Văn bản số 687/UBND-KT ngày 29/04/2026)        | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 15 |  | Xã Đề Gi (Văn bản số 591/UBND-KT ngày 29/04/2026)          | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 16 |  | Xã Tuy Phước Đông (Văn bản số 604/UBND-KT ngày 29/04/2026) | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 17 |  | Phường An Nhơn Đông (Văn bản số 552/UBND ngày 29/04/2026)  | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |

|    |  |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
|----|--|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 18 |  | Xã An Lão (Văn bản số 1134/UBND ngày 30/04/2026)                 | UBND xã An Lão thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026–2030. Theo Phụ lục dự kiến phân bổ vốn giai đoạn 2026–2030, xã An Lão được bố trí tổng nguồn vốn 87.890 triệu đồng (NSTW 44.868 triệu đồng; NSDP 43.022 triệu đồng, trong đó ngân sách xã đối ứng 11.186 triệu đồng), bình quân khoảng 2.237 triệu đồng/năm; việc xác định điểm số và tỷ lệ vốn đối ứng là phù hợp theo dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, do An Lão là xã khu vực III, khả năng tự cân đối ngân sách còn khó khăn, đề nghị cấp có thẩm quyền tiếp tục quan tâm, ưu tiên hỗ trợ nguồn lực cho địa phương trong các năm tiếp theo nhằm bảo đảm tính khả thi và hoàn thành kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026- 2030 |  |
| 19 |  | Phường Thống Nhất (Văn bản số 1050/UBND-PKTHTDT ngày 04/05/2026) | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |

|    |                                                    |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 20 |                                                    | Phường An Nhơn Bắc (Văn bản số 673/UBND ngày 04/05/2026) | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 21 | Phụ lục I. Dự kiến phân bổ vốn giai đoạn 2026-2030 | Phường Ayun Pa (Văn bản số 1372/UBND-TH ngày 04/05/2026) | Tại Phụ lục I dự kiến phương án phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, trong đó Ủy ban nhân dân phường Ayun Pa vốn đối ứng là 12.390 triệu đồng (bình quân mỗi năm 2.478 triệu đồng). Căn cứ vào định mức phân bổ ngân sách nhà nước năm 2026, tình hình thực tế tại địa phương, với tỉ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương nêu trên đối với UBND phường Ayun Pa không cân đối được nguồn để thực hiện. Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai xem xét lại nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương để phường Ayun Pa có khả năng đối ứng thực hiện | Việc quy định tỷ lệ vốn đối ứng giữa ngân sách tỉnh và ngân sách xã, phường trên địa bàn cả tỉnh được tính toán dựa trên một số chỉ tiêu về kinh tế, xã hội cơ bản của từng xã, phường, cụ thể tiêu chí về tỷ lệ nhận bổ sung cân đối ngân sách tỉnh, tỷ lệ nghèo đa chiều, số dân số dân tộc thiểu số và cân đối điều chỉnh kinh phí đối ứng dựa trên tổng thu ngân sách trên địa bàn xã, phường; đảm bảo tỷ lệ đối ứng công bằng và khả năng cân đối của từng xã, phường trên địa bàn tỉnh. |
| 22 |                                                    | Xã Chư Krey (Văn bản số 266/UBND-KTHT ngày 29/04/2026)   | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 23 |                                                    | Xã Ia Krái (Văn bản số 634/UBND-PKT ngày 29/04/2026)     | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

|    |                                              |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----|----------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 24 |                                              | Xã An Toàn (Văn bản số 363/UBND-KT ngày 04/05/2026 | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 25 |                                              | Xã An Hoà (Văn bản số 774/UBND ngày 04/05/2026)    | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên UBND xã đề xuất chỉ áp dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức trên chỉ áp dụng cho nguồn vốn đầu tư, đối với nguồn vốn thường xuyên đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% vốn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 26 | Điểm c khoản 2 Điều 6 của dự thảo Nghị quyết | Cơ quan chủ trì soạn thảo                          | <p>Tại điểm c khoản 2 Điều 6 của dự thảo Nghị quyết: “<i>Sau khi xác định tỷ lệ vốn đối ứng và dự kiến kinh phí đối ứng của ngân sách xã, phường, đối với các xã, phường có số kinh phí chênh lệch giữa tổng thu ngân sách so với kinh phí phải đối ứng bình quân hàng năm từ <u>một (01) tỷ đồng</u> trở xuống thì tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của xã, phường đó sẽ được điều chỉnh bằng 0.</i>”</p> <p>Đề xuất điều chỉnh thành: “<i>Sau khi xác định tỷ lệ vốn đối ứng và dự kiến kinh phí đối ứng của ngân sách xã, phường, đối với các xã, phường có số kinh phí chênh lệch giữa tổng thu ngân sách so với kinh phí phải đối ứng bình quân hàng năm từ <u>ba (03) tỷ đồng</u> trở xuống thì tỷ lệ vốn đối ứng</i></p> | <p>Lý do: Qua quá trình tổng hợp, rà soát tính toán lại, so sánh điều kiện kinh tế, xã hội giữa các xã, phường: Nếu số kinh phí chênh lệch giữa tổng thu ngân sách so với kinh phí phải đối ứng bình quân hàng năm từ một (01) tỷ đồng trở xuống thì tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của xã, phường đó sẽ được điều chỉnh bằng 0: Có 21 xã thuộc diện được điều chỉnh; tổng ngân sách xã, phường đối ứng: 1.932.535 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 4.100.714 triệu đồng.</p> <p>Số các xã có kinh phí chênh lệch giữa tổng thu ngân sách so với kinh phí phải đối ứng bình quân hàng năm từ trên 1</p> |

|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  | <p>ngân sách của xã, phường đó sẽ được điều chỉnh bằng 0.”</p> <p>tỷ đồng đến 3 tỷ đồng: Có 14 xã, các xã này có tỷ lệ nhận bổ sung cân đối ngân sách tỉnh khá cao (trên 94%), tỷ lệ nghèo đa chiều, số dân số dân tộc thiểu số và tổng thu ngân sách trên địa bàn xã tương đồng với 21 xã được điều chỉnh mức đối ứng về 0% như dự thảo ban đầu. Nếu điều chỉnh “số kinh phí chênh lệch giữa tổng thu ngân sách so với kinh phí phải đối ứng bình quân hàng năm từ <b><u>ba (03) tỷ đồng</u></b> trở xuống thì tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của xã, phường đó sẽ được điều chỉnh bằng 0” thì có 35 xã được điều chỉnh, tổng ngân sách xã, phường đối ứng: 1.783.415 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 4.237.834 triệu đồng (Ngân sách tỉnh đối ứng tăng thêm 137.120 triệu đồng so với phương án ban đầu).</p> <p>Để đảm bảo tỷ lệ đối ứng công bằng và khả năng cân đối của từng xã, phường trên địa bàn tỉnh, cơ quan soạn thảo đề xuất điều chỉnh nội dung điểm c khoản 2 Điều 6 của dự thảo Nghị quyết như trên.</p> |
|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|    |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 27 | Khoản 3 Điều 8 của dự thảo Nghị quyết | <p>“Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành: ...”.</p> <p>Cơ quan soạn thảo điều chỉnh bỏ 03 Nghị quyết: Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3 Điều 9 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai</p> | <p>Lý do: 03 Nghị quyết này đã được bãi bỏ tại Nghị quyết số 318/NQ-HĐND ngày 24/4/2026 của HĐND tỉnh Quyết định bãi bỏ các Nghị quyết do HĐND tỉnh Gia Lai, tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.</p> |
|----|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|  |  |  |                                                                                                                                                                   |  |
|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  | ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. |  |
|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI (lần 3)**  
(Kèm theo Tờ trình số:      /TTr-SNNMT ngày      tháng      năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (lần 3).

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến góp ý: 146 (11 sở ngành và 135 xã, phường) và tổng số ý kiến nhận được: 68/146 (08 sở, Văn phòng điều phối XD NTM và 59 xã, phường).
2. Kết quả cụ thể như sau:

| STT | CHÍNH SÁCH<br>HOẶC NHÓM<br>VẤN ĐỀ, ĐIỀU,<br>KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý                                                                         | NỘI DUNG GÓP Ý                              | NỘI DUNG TIẾP THU,<br>GIẢI TRÌNH |
|-----|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------|
| 1   |                                                   | Sở Khoa học và Công nghệ<br>(Văn bản số 01571/SKH-CN-<br>CĐS&BCVT ngày<br>06/05/2026) | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị<br>quyết. |                                  |



|   |  |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                       |
|---|--|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 2 |  | Sở Tài chính (Văn bản số 4538/STC-QLN ngày 14/5/2026) | <p><b>1. Đối với nguồn vốn sự nghiệp:</b><br/>ngân sách tỉnh đảm bảo 100% vốn đối ứng để thực hiện Chương trình.</p> <p><b>2. Đối với nguồn vốn đầu tư:</b><br/>Hiện nay, Sở Tài chính đã báo cáo UBND tỉnh Nghị quyết về Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và dự kiến trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp thứ 3 (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XIII. Để bảo đảm thống nhất chung về mức hỗ trợ vốn đầu tư công ngân sách tỉnh cho các xã, phường trong giai đoạn 2026-2030 theo Nghị quyết nêu trên; Sở Tài chính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, chỉnh sửa mức vốn ngân sách tỉnh và ngân sách cấp xã đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, như sau:</p> <p><i>-Đối với các công trình, dự án do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức thực hiện: ngân sách tỉnh bảo đảm 100% vốn đối ứng.</i></p> <p><i>-Đối với các công trình, dự án do cấp xã tổ chức thực hiện: tỷ lệ vốn đối</i></p> | Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo. |
|---|--|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|

|   |                        |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                       |
|---|------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|   |                        |                                                                  | <i>ứng từ ngân sách tỉnh hỗ trợ được áp dụng tương ứng với tỷ lệ mức hỗ trợ ngân sách tỉnh cho các dự án trên địa bàn được quy định tại Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và hỗ trợ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                       |
| 3 |                        | Sở Dân tộc và Tôn giáo (Văn bản số 857/SDTTG-DT ngày 06/05/2026) | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                       |
| 4 |                        | Sở Công Thương (Văn bản số 2110/SCT-VP ngày 06/05/2026)          | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                       |
| 5 | Khoản 1 Điều 3 Dự thảo | Sở Tư pháp (Văn bản số 1508/STP-NV1 ngày 07/05/2026)             | Đề nghị chỉnh sửa cách viện dẫn các văn bản: “Luật Đầu tư công”, “Luật Quản lý nợ công” nhằm đảm bảo phù hợp theo kỹ thuật viện dẫn văn bản tại điểm a khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) là “Đối với văn bản được viện dẫn là luật, pháp lệnh, khi viện dẫn phải ghi đầy đủ tên văn bản và số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên văn bản, số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản sửa đổi, bổ sung; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần sửa đổi, bổ sung lần thứ hai | Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo. |

|  |                        |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                              |
|--|------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
|  |                        |  | <p>trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản sửa đổi, bổ sung”.<br/>Cụ thể: Chính sửa cách viện dẫn Luật Đầu tư công là: “Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15”.<br/>Chính sửa cách viện dẫn Luật Quản lý nợ công là: “Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 141/2026/QH15”</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                              |
|  | Khoản 1 Điều 5 Dự thảo |  | <p>Đề nghị chỉnh sửa cách viện dẫn “Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030” thành “Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg” nhằm đảm bảo phù hợp theo kỹ thuật viện dẫn văn bản tại điểm b khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) là “Đối với văn bản khác, .... Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa</p> | <p>Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo.</p> |

|   |                                          |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                       |
|---|------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|   |                                          |                                       | đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.” (vì đây là lần viện dẫn tiếp theo của Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                       |
|   | Điểm c khoản 2 Điều 6 Dự thảo            |                                       | Đề nghị Quý Sở cân nhắc, chỉnh sửa quy định “(Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã, phường theo Phụ lục 9: Cân đối và bổ sung ngân sách tỉnh cho ngân sách xã, phường ban hành kèm theo Nghị Quyết số 73/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026).” thành “(Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã, phường theo Phụ lục 9 ban hành kèm theo Nghị Quyết số 73/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026).” cho rõ nghĩa nội dung quy định. | Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo. |
| 6 | Khoản 2 Điều 5;<br>Điểm c khoản 2 Điều 6 | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh | - “Các hoạt động nhằm phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội...”<br>Nội dung này chưa xác định rõ phạm vi nhiệm vụ chi. Đề nghị sửa theo hướng: “Các hoạt động tuyên truyền, vận động, giám sát và phản biện xã hội; phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát                                                                                                                                                                                                                                        | Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo. |

|    |  |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
|----|--|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |  |                                                                                 | <p>triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi".</p> <p>- Đề nghị diễn đạt lại như sau để bảo đảm chặt chẽ, rõ nghĩa và phù hợp kỹ thuật xây dựng văn bản: “Sau khi xác định tỷ lệ vốn đối ứng và dự kiến kinh phí đối ứng của ngân sách xã, phường, trường hợp số chênh lệch giữa tổng thu ngân sách xã, phường và mức kinh phí phải đối ứng bình quân hằng năm từ 03 tỷ đồng trở xuống thì xã, phường không phải bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình.”</p> |  |
| 7  |  | Sở Giáo dục và Đào tạo (Văn bản số 2515/SGDDĐT-KHTC ngày 07/05/2026)            | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 8  |  | Sở Nội vụ (Văn bản số 2970/SNV-TCBC ngày 07/05/2026)                            | Đã tham gia góp ý tại văn bản số 2815/SNVTCBC ngày 29/04/2026; riêng về nội dung kinh phí không thuộc lĩnh vực chuyên môn của Sở Nội vụ, Sở Nội vụ không có ý kiến tham gia.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| 9  |  | Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới (Văn bản số 142/NTM ngày 07/05/2026) | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 10 |  | Xã Ia Chia (Văn bản số 338/UBND-KT ngày 05/05/2026)                             | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 11 |  | Phường Quy Nhơn (Văn bản số 2520/UBND-KTHTĐT ngày 04/05/2026)                   | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |

|    |                       |                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                  |
|----|-----------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12 |                       | Xã Phù Mỹ Nam (Văn bản số 485/UBND-KT ngày 06/05/2026)        | <p>- Sau khi thực hiện sát nhập chính quyền địa phương 02 cấp, điều kiện kinh tế - xã hội của xã còn nhiều khó khăn, nguồn thu ngân sách còn hạn chế, trong khi Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh giao UBND xã Phù Mỹ Nam đối ứng kinh phí để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2026 – 2030: xã 80% và tỉnh 20% là không phù hợp với điều kiện thực tế, địa phương không có khả năng để bố trí nguồn vốn đối ứng theo tỷ lệ quy định trên.</p> <p>- Do đó, để bảo đảm kinh phí đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã hoàn thành theo đúng kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. UBND xã Phù Mỹ Nam kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai xem xét, điều chỉnh tỷ lệ vốn đối ứng của xã là 50% và tỉnh là 50% như các địa phương khác</p> | Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo theo hướng đồng bộ tất cả các xã, phường trên địa bàn tỉnh. |
| 13 | Điểm a khoản 1 Điều 6 | Xã Hội Sơn (Góp ý lần 1: Văn bản số 625/UBND ngày 05/05/2026) | Xã phường nhận hỗ trợ ngân sách tỉnh từ 90% trở lên tính 20 điểm, xã phường nhận hỗ trợ ngân sách tỉnh từ 80% đến dưới 90% tính 40”, UBND xã đề nghị sửa đổi thành “xã phường nhận hỗ trợ ngân sách tỉnh <b>từ 80% trở lên tính 20 điểm</b> ”. Căn cứ điểm a điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                  |

|  |  |                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                         |
|--|--|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | <p>Xã Hội Sơn (Góp ý lần 2: Văn bản số 635/UBND ngày 06/05/2026)</p> | <p>TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 quy định “Địa phương nhận bổ sung cân đối từ 80% trở lên là 20 điểm”, ngoài ra, UBND xã Hội Sơn là xã miền núi, nguồn thu hết sức khó khăn, căn cứ theo bảng tính chi tiết theo dự thảo, UBND xã Hội Sơn đạt 50 điểm tương ứng với tỷ lệ đối ứng 50% ngân sách địa phương tương đương số tiền phải đối ứng hằng năm là 4.302 triệu đồng, vượt quá khả năng của xã.</p> <p>- Điểm c khoản 2 Điều 6 của dự thảo Nghị quyết: “Sau khi xác định tỷ lệ vốn đối ứng và dự kiến kinh phí đối ứng của ngân sách xã, phường, đối với các xã, phường có số kinh phí chênh lệch giữa tổng thu ngân sách so với kinh phí phải đối ứng bình quân hàng năm từ ba (03) tỷ đồng trở xuống thì tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của xã, phường đó sẽ được điều chỉnh bằng 0”. Đề xuất điều chỉnh thành “Sau khi xác định tỷ lệ vốn đối ứng</p> | <p>Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo theo hướng đồng bộ tất cả các xã, phường trên địa bàn tỉnh.</p> |
|--|--|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|    |  |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |
|----|--|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |  |                                                            | và dự kiến kinh phí đối ứng của ngân sách xã, phường, đối với các xã, phường có số kinh phí chênh lệch giữa tổng thu ngân sách xã hưởng so với kinh phí phải đối ứng bình quân hàng năm từ ba (03) tỷ đồng trở xuống thì tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của xã, phường đó sẽ được điều chỉnh bằng 0”. |  |
| 14 |  | Xã Đak Đoa (Văn bản số 897/UBND-KT ngày 06/05/2026)        | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 15 |  | Xã Cát Tiến (Văn bản số 643/UBND-KT ngày 06/05/2026)       | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 16 |  | Phường An Nhơn Nam (Văn bản số 440/UBND ngày 05/05/2026)   | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 17 |  | Xã Hoà Hội (Văn bản số 877/UBND-KT ngày 06/05/2026)        | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 18 |  | Xã Bình Phú (Văn bản số 402/UBND-KT ngày 06/05/2026)       | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 19 |  | Xã Kon Gang (Văn bản số 792/UBND-KT ngày 07/05/2026)       | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 20 |  | Xã Tuy Phước Đông (Văn bản số 621/UBND-KT ngày 06/05/2026) | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 21 |  | Phường An Nhơn Bắc (Văn                                    | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |



|    |  |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |  | bản số 713/UBND ngày 07/05/2026)                                                              | quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 22 |  | Xã Đề Gi (Văn bản số 627/UBND-KT ngày 07/05/2026)                                             | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 23 |  | Xã Xuân An (Văn bản số 1074/UBND-KT ngày 07/05/2026)                                          | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 24 |  | Xã Vĩnh Thịnh (Văn bản số 732/UBND-KT ngày 07/05/2026)                                        | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 25 |  | Phường An Phú (Văn bản số 713/UBND-KTHTDT ngày 08/05/2026)                                    | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 26 |  | Xã Ia Pia (Văn bản số 664/UBND-KT ngày 05/05/2026)                                            | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 27 |  | Xã Ia Băng (Văn bản số 732/UBND-KT ngày 06/05/2026 và Văn bản số 757/UBND-KT ngày 08/05/2026) | <p>- Tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương như sau: “Bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nội dung, bao gồm:</p> <p>a) Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS và MN, ...thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025.</p> <p>b) Hỗ trợ xã thuộc kế hoạch hoặc phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030.</p> | <p>Căn cứ khoản 3 Điều 7 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg: “Địa phương có trách nhiệm bố trí vốn ngân sách địa phương.....để thực hiện các nội dung của Chương trình không sử dụng vốn ngân sách trung ương, bao gồm:</p> <p>a) Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&amp;MN;.....</p> <p>b)...</p> <p>c)...</p> |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | <p>c) Hỗ trợ thực hiện các nội dung ở cấp tỉnh thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS và MN...Các hoạt động bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.”.</p> <p>- Tại điểm 3.1 khoản 3 Điều 5 quy định Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã, phường như sau: “Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách địa phương cho các xã, phường được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và MN và số xã, phường khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&amp;MN, xã biên giới, xã đảo, số xã, phường thuộc kế hoạch hoặc phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và các xã còn lại trên địa bàn tỉnh. Mức phân bổ vốn của từng xã, phường được xác định bằng hệ số phân bổ quy định cụ thể như sau:</p> <p>a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và MN: Hệ số 1.</p> <p>b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS và MN, xã biên giới, xã đảo và xã, phường thực hiện hoặc phấn đấu đạt nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030: Hệ số 50.</p> <p>c) Xã, phường khu vực II vùng đồng bào DTTS và MN và xã, phường thực</p> | <p>d) Hỗ trợ thực hiện các nội dung khác ở cấp tỉnh...”</p> <p>Do đó, điểm a, b, c, khoản 2, Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định rõ các nội dung hỗ trợ đối với các đối tượng không nhận vốn ngân sách trung ương. Các đối tượng còn lại được phân bổ vốn theo khoản 3, Điều 5 đương nhiên thực hiện các nội dung thuộc Chương trình theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT.</p> |
|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|    |  |                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |
|----|--|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |  |                                                                                                | <p>hiện hoặc phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: Hệ số 40.</p> <p>d) Xã, phường khu vực I vùng đồng bào DTTS và MN: Hệ số 30.</p> <p>đ) Xã, phường còn lại: Hệ số 25.”</p> <p>- Theo đó, đối tượng được phân bổ ngân sách địa phương có các xã khu vực III, khu vực II và xã còn lại nhưng trong nội dung để thực hiện nguồn vốn ngân sách địa phương tại khoản 2 Điều 5 không có quy định. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung thực hiện cho các đối tượng này.</p> <p>Đối với nội dung điều chỉnh tại điểm c khoản 2 Điều 6 của dự thảo Nghị quyết và dự thảo điều chỉnh phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 theo Công văn số 4635/SNNMT-PTNT ngày 05/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường: Ủy ban nhân dân xã Ia Băng thống nhất với dự thảo.</p> |  |
| 28 |  | Xã Chư Sê (Văn bản số 1052/UBND-KT ngày 06/05/2026 và Văn bản số 1104/UBND-KT ngày 08/05/2026) | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |
| 29 |  | Xã KĐang (Văn bản số 446/UBND-KT ngày                                                          | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |

|    |  |                                                                                                 |                                          |  |
|----|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--|
|    |  | 06/05/2026)                                                                                     |                                          |  |
| 30 |  | Xã Ia Rbol (Văn bản số 2109/UBND-KT ngày 05/05/2026 và Văn bản số 2196/UBND-TH ngày 08/05/2026) | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 31 |  | Xã Ia Grai (Văn bản số 701/UBND-PKT ngày 04/05/2026 và số 716/UBND-KT ngày 06/05/2026)          | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 32 |  | Xã Đak Somei (Văn bản số 954/UBND-KT ngày 06/05/2026 và Văn bản số 969/UBND-KT ngày 07/05/2026) | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 33 |  | Xã Chơ Long (Văn bản số 791a/UBND-KT ngày 28/04/2026)                                           | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 34 |  | Xã Ia Sao (Văn bản số 669/UBND-TH ngày 07/05/2026)                                              | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 35 |  | Xã Ia Lâu (Văn bản số 319/UBND-PKT ngày 08/05/2026)                                             | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 36 |  | Phường Diên Hồng (Văn bản số 1185/UBND-KTHTDT ngày 08/05/2026)                                  | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 37 |  | Xã Ia O (Văn bản số 294/UBND-PKT ngày 07/05/2026)                                               | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |  |
| 38 |  | Xã Bàu Cạn (Văn bản số                                                                          | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị        |  |

|    |  |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                  |
|----|--|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |  | 475/UBND-PKT ngày 08/05/2026)                                  | quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                  |
| 39 |  | Xã Krong (Văn bản số 567/UBND-KT ngày 07/05/2026)              | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                  |
| 40 |  | Phường Hoài Nhơn Nam (Văn bản số 549/UBND-KTHTĐT - 09/05/2026) | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                  |
| 41 |  | Xã Ya Hội (Văn bản số 762/UBND-PKT ngày 07/05/2026)            | <p>Qua rà soát thực tế nguồn thu và điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã nhận thấy việc bố trí nguồn vốn đối ứng theo tỷ lệ trên là quá cao, vượt quá khả năng cân đối của ngân sách xã. Việc này sẽ gây áp lực lớn và dẫn đến khó khăn trong triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã. Để đảm bảo tính khả thi, Ủy ban nhân dân xã Ya Hội kính đề nghị các cơ quan soạn thảo xem xét, điều chỉnh phần tỷ lệ đối ứng ngân sách xã từ 10% đến 15% là phù hợp với thực trạng ngân sách của từng loại hình địa phương.</p> <p>Đồng thời, cần quy định thống nhất về trách nhiệm đối ứng đối với tất cả các địa phương thụ hưởng chương trình.</p> | Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo theo hướng đồng bộ tất cả các xã, phường trên địa bàn tỉnh. |
| 42 |  | Xã Tuy Phước Bắc (Văn bản số 236/BC-UBND ngày 08/05/2026)      | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                  |
| 43 |  | Xã An Vinh (Văn bản số                                         | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                  |

|    |  |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----|--|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |  | 583/UBND ngày 08/05/2026)                                  | quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 44 |  | Xã Tuy Phước (Văn bản số 927/UBND-KT ngày 09/05/2026)      | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 45 |  | Phường Hoài Nhơn (Văn bản số 1609/UBND-KT ngày 09/05/2026) | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 46 |  | Xã Kbang (Văn bản số 705/UBND-KT ngày 08/05/2026)          | Việc xác định điểm số và tỷ lệ vốn đối ứng là phù hợp. Tuy nhiên xã Kbang là xã thuộc vùng đồng bào DTTS, khả năng tự cân đối ngân sách của địa phương còn khó khăn. Đề nghị tăng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh cho địa phương, giảm tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách xã. | Vốn ngân sách trung ương được phân bổ theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg, không thể tăng hay giảm cho địa phương nào.<br>Về quy định tỷ lệ vốn đối ứng giữa ngân sách tỉnh và ngân sách xã, phường trên địa bàn tỉnh, đơn vị soạn thảo tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo theo hướng đồng bộ tất cả các xã, phường trên địa bàn tỉnh. |
| 47 |  | Xã Phù Mỹ Đông (Văn bản số 625/UBND-KT ngày 08/05/2026)    | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 48 |  | Xã Ya Ma (Văn bản số 441/UBND-NN ngày 08/05/2026)          | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 49 |  | Xã Ia Hnú (Văn bản số 776/UBND-KT ngày 06/05/2026)         | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 50 |  | Xã Chư Puh (Văn bản số 882/UBND-KT ngày                    | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

|    |  |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                  |
|----|--|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |  | 08/05/2026)                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                  |
| 51 |  | Xã Bình An (Văn bản số 626/UBND-KTN ngày 07/05/2026)      | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                  |
| 52 |  | Phường Bình Định (Văn bản số 889/UBND ngày 08/05/2026)    | UBND phường Bình Định cơ bản thống nhất theo nội dung dự thảo. Tuy nhiên, kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét tính toán nội dung tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, sau khi sáp nhập các xã, phường ngân sách phường Bình Định gặp nhiều khó khăn mà theo dự thảo ngân sách phường phải đối ứng 100% kinh phí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo theo hướng đồng bộ tất cả các xã, phường trên địa bàn tỉnh. |
| 53 |  | Phường An Nhơn Đông (Văn bản số 588/UBND ngày 07/05/2026) | UBND phường An Nhơn Đông không thống nhất với tỷ lệ vốn đối ứng, lý do: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phường năm 2026 là 169.003 triệu đồng (trong đó: tiền sử dụng đất là 140.000 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 82,84% trong tổng thu ngân sách, thu để chi thường xuyên là 29.003 triệu đồng). Về chi cân đối ngân sách là 145.328 triệu đồng, trong đó (chi đầu tư 71.753 triệu đồng từ phân cấp nguồn thu tiền sử dụng đất, chi thường xuyên 70.668 triệu đồng). Do vậy, việc tính tỷ lệ Bổ sung cân đối/Tổng chi cân đối là 40% chưa phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương (do việc chi tiền từ sử dụng đất cao). Việc tỷ lệ vốn đối ứng của | Tiếp thu góp ý và hoàn thiện dự thảo theo hướng đồng bộ tất cả các xã, phường trên địa bàn tỉnh. |

|    |  |                                                        |                                                                                                                         |  |
|----|--|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |  |                                                        | ngân sách phường An Nhơn Đông theo dự thảo của Nghị quyết là 100% vượt ngoài khả năng cân đối của Ngân sách địa phương. |  |
| 54 |  | Xã An Lương (Văn bản số 441/UBND-KT ngày 08/05/2026)   | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                |  |
| 55 |  | Xã Ia Hrug (Văn bản số 1400/UBND-PKT ngày 08/05/2026)  | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                |  |
| 56 |  | Xã Canh Liên (Văn bản số 448/UBND ngày 08/05/2026)     | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                |  |
| 57 |  | Xã Biển Hồ (Văn bản số 1337/UBND-KT ngày 11/05/2026)   | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                |  |
| 58 |  | Xã Ia Hiao (Văn bản số 1033/UBND-TH ngày 11/05/2026)   | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                |  |
| 59 |  | Xã Sró (Văn bản số 929/UBND-PKT ngày 08/05/2026)       | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                |  |
| 60 |  | Xã Tơ Tung (Văn bản số 423/UBND-KT ngày 11/05/2026)    | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                |  |
| 61 |  | Xã Ia Rsai (Văn bản số 1138/UBND-PKT ngày 11/05/2026)  | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                |  |
| 62 |  | Xã Chư A Thai (Văn bản số 558/UBND-TH ngày 13/05/2026) | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.                                                                                |  |
| 63 |  | Xã Cửu An (Văn bản số                                  | Thông nhất với hồ sơ dự thảo Nghị                                                                                       |  |



|    |  |                                                             |                                             |  |
|----|--|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--|
|    |  | 420/UBND-KT ngày<br>12/05/2026)                             | quyết.                                      |  |
| 64 |  | Xã Ia Le (Văn bản số<br>827/UBND-TH ngày<br>11/05/2026)     | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị<br>quyết. |  |
| 65 |  | Xã Ia Nan (Văn bản số<br>591/UBND-KT ngày<br>12/05/2026)    | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị<br>quyết. |  |
| 66 |  | Xã Mang Yang (Văn bản số<br>599/UBND-KT ngày<br>12/05/2026) | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị<br>quyết. |  |
| 67 |  | Xã Phù Mỹ (Văn bản số<br>607/UBND-KT ngày<br>12/05/2026)    | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị<br>quyết. |  |
| 68 |  | Xã Ia Boòng (Văn bản số<br>568/UBND-KT ngày<br>11/05/2026)  | Thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị<br>quyết. |  |

Gia Lai, ngày        tháng        năm 2026

**BẢN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH**  
**CỦA SỞ TƯ PHÁP TẠI BÁO CÁO SỐ 429/BC-STP NGÀY 16/5/2026**  
(Kèm theo Tờ trình số        /TTr-SNNMT ngày        tháng        năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

| STT | Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ý kiến của cơ quan soạn thảo                                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <p>Tại phần căn cứ ban hành văn bản:</p> <p>- Tại căn cứ thứ 6 (Nghị định số 78/2025/NĐ-CP) và thứ 7 (Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), đề nghị bỏ các căn cứ này vì không cần thiết.</p> <p>- Tại dòng “<i>Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày        tháng        năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai...</i>”, chỉnh sửa thành “<i>Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày        tháng        năm 2026 của Ủy ban nhân dân</i></p> | <p>Thông nhất tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và điều chỉnh vào dự thảo Nghị quyết.</p> |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | <p><i>tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai... ” cho phù hợp và đúng với tên của dự thảo Tờ trình.</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                  |
| 2 | <p>Khoản 3 Điều 8: Để đảm bảo đúng với tên gọi của văn bản và phù hợp về cách trình bày, đề nghị chỉnh sửa lại như sau:</p> <p>“3. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:</p> <p>a) Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025;</p> <p>b) Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách</p> | <p>Thông nhất tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và điều chỉnh vào dự thảo Nghị quyết.</p> |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  | <p><i>trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. ”.</i></p> <p>c) Về viện dẫn văn bản: Đề nghị rà soát và viện dẫn văn bản theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP: “a) Đối với văn bản được viện dẫn là luật, pháp lệnh, khi viện dẫn phải ghi đầy đủ tên văn bản và số, ký hiệu của văn bản...; Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản...; b) Đối với văn bản khác, khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản...; Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản. ”.</p> |  |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

Số: /BC-SNNMT

Gia Lai, ngày tháng 4 năm 2026

## **BÁO CÁO**

**Tổng kết việc thi hành các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (Xây dựng nông thôn mới; Giảm nghèo bền vững; Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) giai đoạn 2021-2025**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo tiến hành tổng kết việc thi hành các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (Xây dựng nông thôn mới; Giảm nghèo bền vững; Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) giai đoạn 2021-2025. Kết quả như sau:

### **I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT**

#### **1. Bối cảnh chung**

- Giai đoạn 2021-2025, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (Xây dựng nông thôn mới; Giảm nghèo bền vững; Phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) được triển khai theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương cho từng Chương trình<sup>1</sup>. Cơ chế này đã tạo căn cứ pháp lý để giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, phân bổ dự toán ngân sách hằng năm và tổ chức thực hiện Chương trình trên phạm vi cả nước; góp phần bảo đảm nguồn lực thực hiện các mục tiêu phát triển nông thôn, giảm nghèo và thu hẹp chênh lệch vùng, miền.

Tuy nhiên, qua tổng kết thực tiễn thi hành cho thấy, cơ chế phân bổ theo từng Chương trình còn bộc lộ một số hạn chế: Tiêu chí phân bổ vốn chưa phản ánh sự

---

<sup>1</sup> Quyết định số **07/2022/QĐ-TTg** ngày 25/03/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số **02/2022/QĐ-TTg** ngày 18/01/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số **39/2021/QĐ-TTg** ngày 30/12/2021 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số **18/2023/QĐ-TTg** ngày 01/7/2023, Quyết định số **35/2025/QĐ-TTg** ngày 25/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ).

khó khăn thực tế giữa các địa phương với nhau trên cùng địa bàn; vẫn còn xu hướng bình quân theo đơn vị hành chính; cơ chế đối ứng vốn của địa phương chưa được phân hóa rõ theo khả năng cân đối ngân sách; việc lồng ghép, điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các nội dung còn thiếu linh hoạt; một số vướng mắc phát sinh trong điều hành, điều chỉnh kế hoạch vốn hằng năm.

- Bước vào giai đoạn 2026-2030, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nghị quyết, nghị định, quyết định để cho chủ trương, cơ chế quản lý và nguyên tắc phân bổ vốn của Chương trình, cụ thể:

+ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035.

+ Chính phủ có Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó xác định rõ thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại điểm c khoản 1 Điều 56: Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: “... nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, vốn tự cân đối của ngân sách địa phương) thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.”

+ Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035. Theo đó, tại khoản a điểm 5 Điều 9. Trách nhiệm của UBND các tỉnh, thành phố: “*Căn cứ điều kiện thực tế, nghiên cứu, xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 trình HĐND cùng cấp quyết định*”.

Bên cạnh đó, việc tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp (cấp tỉnh và cấp xã) từ năm 2025 đặt ra yêu cầu đổi mới phương thức phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn lực; bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, nguyên tắc và tổng mức vốn ở cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã. Do đó, cơ chế phân bổ vốn cần minh bạch, định lượng rõ ràng hơn, gắn với mức độ khó khăn và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương.

Từ những căn cứ và nhiệm vụ nêu trên, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là yêu cầu khách quan, cấp thiết; là cơ sở pháp lý trực tiếp để tổ chức phân bổ, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực của Chương trình trong giai đoạn mới, bảo đảm tập trung, đúng đối tượng, nội dung, mức độ khó khăn và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương.

## 2. Quá trình thực hiện tổng kết

- Trên cơ sở các Quyết định quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định, tỉnh Gia Lai (trước sáp nhập) đã ban hành Nghị quyết tổ chức thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh<sup>2</sup>.

- Kết quả thực hiện quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện từng chương trình trong giai đoạn 2021-2025, các sở, ngành đã có báo cáo kết quả việc thực hiện, một số nội dung cụ thể như:

+ Báo cáo số 265/BC-SNNMT ngày 06/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, kế hoạch giai đoạn 2026-2030.

+ Báo cáo số 121/BC-SDTTG ngày 10/04/2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo Tổng kết thi hành các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021-2025.

+ Báo cáo số 114/BC-NTM ngày 12/04/2026 của Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh về tổng kết việc thi hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn

---

<sup>2</sup> (1) **Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND** ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; (2) **Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND** ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; (3) **Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND** ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định; (4) **Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND** ngày 21 tháng 03 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định kèm theo nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định; (5) **Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND** ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025. (6) **Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND** ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3 Điều 9 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. (7) **Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND** ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (8) **Nghị quyết số 60/2023/NQ-HĐND** ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (9) **Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND** ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (10) **Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND** ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

đổi ứng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021–2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Phạm vi tổng kết tập trung vào việc thi hành các quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương; đánh giá mức độ phù hợp của cơ chế phân bổ trong bối cảnh triển khai 03 Chương trình song song; xem xét tác động của các quy định đến tiến độ phân bổ và hiệu quả thực hiện mục tiêu của từng Chương trình.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ PHÂN BỐ VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025**

### **1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

#### ***a) Công tác chỉ đạo, thực hiện***

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tỉnh Gia Lai và tỉnh Bình Định (trước sáp nhập) phối hợp với Sở Tài chính tham mưu, đề xuất UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và bảo đảm không trái với quy định của Trung ương.

Việc phân bổ vốn ngân sách trung ương và bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương được thực hiện theo đúng tỷ lệ quy định; trong đó, ưu tiên tập trung cho các xã đạt dưới 10 tiêu chí, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, hải đảo và các địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn. Nhiều địa phương đã chủ động bố trí vốn đối ứng vượt mức tối thiểu theo quy định để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

Công tác chỉ đạo, điều hành ở cấp tỉnh được thực hiện thông qua Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia; việc phân cấp cho cấp huyện, cấp xã trong tổ chức thực hiện, điều chỉnh kế hoạch vốn nội bộ được thực hiện linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật, góp phần nâng cao tính chủ động, trách nhiệm của chính quyền cơ sở.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành các Nghị quyết được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ; bảo đảm việc phân bổ vốn ngân sách trung ương và bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 có căn cứ pháp lý rõ ràng, thống nhất, góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình trong giai đoạn này.

#### ***b) Kết quả phân bổ vốn ngân sách trung ương và bố trí đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình***



Căn cứ quy định, nguồn vốn thực hiện Chương trình được phân bổ thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là 2.775.117 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương là 2.178.692 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển là 1.709.608 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 469.084 triệu đồng.

- Vốn ngân sách tỉnh là 596.425 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển là 506.989 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 89.436 triệu đồng.

Việc phân bổ nguồn vốn được kịp thời, đúng mục tiêu, bảo đảm công khai, minh bạch và có căn cứ định lượng rõ ràng, giúp cho các sở, ngành, địa phương chủ động thực hiện theo các mục tiêu, nội dung của Chương trình đạt hiệu quả.

### ***c) Đánh giá việc ban hành Nghị quyết và phân bổ kinh phí***

- Đánh giá ưu điểm

- + Nghị quyết đã thiết lập được hệ thống tiêu chí và định mức tương đối rõ ràng, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác lập, phân bổ và điều hành kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm. Việc áp dụng tiêu chí gắn với mức độ đạt chuẩn nông thôn mới của từng xã, kết hợp hệ số ưu tiên đối với địa bàn khó khăn, đã góp phần định hướng phân bổ nguồn lực theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, hạn chế tình trạng dàn trải.

- + Về tổ chức thực hiện, các cấp, các ngành đã chủ động triển khai, bám sát quy định của Nghị quyết trong quá trình phân bổ và sử dụng vốn. Công tác tham mưu của cơ quan tài chính cơ bản đảm bảo yêu cầu cân đối ngân sách, lồng ghép các nguồn lực, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công tại các xã xây dựng nông thôn mới.

- + Về hiệu quả sử dụng vốn, nguồn lực ngân sách nhà nước đã được tập trung đầu tư cho các tiêu chí chưa đạt, nhất là các tiêu chí về hạ tầng thiết yếu như: giao thông, thủy lợi, cơ sở vật chất văn hóa. Nhờ đó, số lượng xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt và vượt kế hoạch hằng năm, chất lượng tiêu chí từng bước được nâng lên, góp phần cải thiện điều kiện sống và phát triển kinh tế khu vực nông thôn.

- Bất cập, hạn chế

- + Việc triển khai thực hiện Nghị quyết vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, như: Cơ chế phân bổ vốn theo hệ số tuy đơn giản, dễ áp dụng nhưng còn mang tính bình quân trong từng nhóm đối tượng, chưa phản ánh đầy đủ nhu cầu thực tế và khả năng sử dụng vốn của từng địa phương. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương ở mức cao đã góp phần nâng cao trách nhiệm của địa phương, nhưng đồng thời cũng tạo áp lực lớn đối với cân đối ngân sách cấp huyện, cấp xã, dẫn đến một số nơi gặp khó khăn trong bố trí vốn, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai và giải ngân.

- + Ngoài ra, công tác tổng hợp, báo cáo số liệu từ cấp cơ sở còn chậm và chưa đồng bộ, một phần do số lượng đầu mối cấp xã lớn, năng lực cán bộ không đồng đều, ảnh hưởng đến chất lượng công tác tham mưu và thực hiện nguồn vốn Chương trình.

## **2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

### ***a) Công tác chỉ đạo, thực hiện***

- Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (*trước đây*) nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương để xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình. Cơ sở đề xuất xây dựng theo các tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; quy mô hộ dân cư, hộ nghèo, hộ cận nghèo; địa bàn khó khăn. Ưu tiên đầu tư là các vùng nghèo, xã nghèo, huyện nghèo để thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng và nhóm dân cư.

- Đối với các địa phương (cấp huyện trước sáp nhập), trên cơ sở các Nghị quyết của HĐND tỉnh và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã chủ động lựa chọn các mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng cần tập trung ưu tiên đầu tư để xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn được giao 5 năm và hàng năm trình HĐND cùng cấp quyết định, đảm bảo phù hợp với các quy định và điều kiện thực tế địa phương và bảo đảm theo quy định của tỉnh và Trung ương.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành các Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm việc phân bổ vốn ngân sách trung ương và bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021–2025 có căn cứ pháp lý rõ ràng, thống nhất, góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình trong từng năm và cả giai đoạn. Thực hiện quản lý, giám sát, kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình theo quy định.

### ***b) Kết quả phân bổ vốn ngân sách trung ương và bố trí đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình***

Căn cứ quy định, nguồn vốn thực hiện Chương trình được phân bổ thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là 1.689.475 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương là 1.501.432 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển là 636.764 triệu đồng; vốn 864.668 triệu đồng.

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh là 188.043 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển là 81.052 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 81.052 triệu đồng.

Việc phân bổ nguồn vốn được kịp thời, công khai, minh bạch, giúp cho các sở, ngành, địa phương chủ động thực hiện theo các mục tiêu, nội dung của Chương trình đạt hiệu quả.

### ***c) Đánh giá việc ban hành Nghị quyết và phân bổ kinh phí***

- Ưu điểm

+ Hệ thống tiêu chí phân bổ vốn phản ánh khách quan thực trạng nghèo của các địa phương; khắc phục được tình trạng phân bổ mang tính bình quân cào bằng ở một số dự án, tiểu dự án trong giai đoạn 2021-2025.

+ Hệ thống tiêu chí, nguyên tắc và hệ số phân bổ cho từng dự án giúp cho quá trình tổ chức thực hiện Chương trình minh bạch, công bằng; giúp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thụ hưởng dự án chủ động xác định rõ được nhu cầu, khả năng cân đối nguồn lực của địa phương để bố trí vốn cho phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

+ Hệ thống tiêu chí về tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, quy mô dân số, đơn vị hành chính theo từng dự án, tiểu dự án đã phản ánh khá rõ nét và phù hợp với điều kiện, đặc thù của từng địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thúc đẩy phát triển sản xuất, cải thiện đời sống của người nghèo, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng miền trong cả nước.

- Bất cập, hạn chế

+ Nguồn vốn phân bổ căn cứ trên tiêu chí, định mức phân bổ theo từng dự án, tiểu dự án dẫn đến một số nội dung dự án có nhu cầu cao (đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng các mô hình giảm nghèo) nhưng khi phân bổ vẫn còn thấp, chưa đáp ứng nhu cầu các địa phương, trong khi một số dự án nhu cầu thấp (xuất khẩu lao động) bố trí nhiều so với khả năng thực hiện nên việc điều chuyển khó khăn, mất nhiều thời gian (thủ tục) dẫn đến hiệu quả sử dụng vốn chưa cao.

+ Xu hướng thu hẹp đối tượng thụ hưởng một số chính sách hỗ trợ của Chương trình (như tỷ lệ hộ nghèo giảm) so với nhu cầu vốn ở thời điểm đề xuất kế hoạch đầu tư giai đoạn khiến khả năng hấp thụ, giải ngân số vốn được giao còn gặp thách thức.

Qua tổng kết giai đoạn 2021-2025 có thể khẳng định hệ thống nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ được thiết kế theo hướng định lượng, công khai, minh bạch; gắn với quy mô hộ nghèo, địa bàn đặc biệt khó khăn và đặc thù từng dự án, tiểu dự án; các Nghị quyết đã được thực hiện nghiêm túc, tương đối đồng bộ, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước, đạt mục tiêu đề ra trong giai đoạn 2021-2025.

### **3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

#### ***a) Công tác chỉ đạo, thực hiện***

- Sau khi các Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành, các sở, ngành đã khẩn trương tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện theo đúng thẩm quyền và chức năng được giao, Sở Dân tộc và Tôn giáo (trước đây Ban Dân tộc tỉnh) chủ trì Chương trình đã chủ động phối hợp với các sở, ngành quan liên quan hướng dẫn các địa phương xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm theo đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức và tỷ lệ vốn đối ứng quy định tại Nghị quyết.

Việc xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương bảo đảm bám sát tiêu chí phân bổ, bảo đảm tính công khai, minh bạch và đúng đối tượng ưu tiên theo quy định. Hằng năm, trên cơ sở tổng mức vốn ngân sách Trung ương được giao, đã thực hiện phân bổ chi tiết vốn cho các địa phương theo đúng tiêu chí, hệ số và định mức được quy định; đồng thời, phối hợp rà soát, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai, nhất là đối với các địa phương có số lượng lớn xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, hải đảo.

- Đối với các địa phương (cấp huyện trước sáp nhập), trên cơ sở các Nghị quyết của HĐND tỉnh và các văn bản hướng dẫn của cấp trên, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ trì trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng cần tập trung ưu tiên đầu tư để xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn được giao 5 năm và hằng năm trình HĐND cùng cấp quyết định, đảm bảo phù hợp với các quy định và điều kiện thực tế địa phương và bảo đảm theo quy định của tỉnh và Trung ương. Việc phân bổ vốn ngân sách trung ương và bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương được thực hiện theo đúng tỷ lệ quy định. Công tác chỉ đạo, điều hành ở cấp huyện được thực hiện thông qua Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia (cấp xã có Ban Quản lý); việc phân cấp tổ chức thực hiện, điều chỉnh kế hoạch vốn nội bộ được thực hiện linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật, góp phần nâng cao tính chủ động, trách nhiệm của chính quyền cơ sở.

Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện được tăng cường thông qua các đoàn công tác, hội nghị giao ban, các báo cáo định kỳ, chuyên đề. Việc theo dõi, đánh giá tình hình phân bổ và giải ngân vốn được thực hiện gắn với hệ thống báo cáo của Chương trình, bảo đảm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện.

### ***b) Kết quả phân bổ vốn ngân sách trung ương và bố trí đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình***

Căn cứ quy định, nguồn vốn thực hiện Chương trình được phân bổ thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là 4.302.840 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương là 3.716.148 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển là 2.002.308 triệu đồng; vốn 1.713.840 triệu đồng.

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh là 586.692 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển là 393.421 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 193.271 triệu đồng.

Việc phân bổ nguồn vốn được kịp thời, công khai, minh bạch, giúp cho các sở, ngành, địa phương chủ động thực hiện theo các mục tiêu, nội dung của Chương trình đạt hiệu quả.

### ***c) Đánh giá chung việc thi hành các Nghị quyết***

- Mặt được

+ Chương trình có 10 Dự án, 14 Tiểu Dự án và 36 Nội dung đặc thù được tích hợp từ hơn 100 chính sách dân tộc có liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực....Việc quy định cụ thể nguồn vốn cho từng dự án, tiểu dự án là cơ sở quan

trọng để thực hiện xây dựng định mức, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ cụ thể, đảm bảo khả năng thực hiện, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

+ Tiêu chí phân bổ cho các đối tượng xã, thôn được quy định cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm (*ưu tiên tính điểm*), trong đó, tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn, bản khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; phân bổ vốn đầu tư Chương trình tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, tạo chuyển biến rõ rệt trong thực hiện chính sách hỗ trợ đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội cấp xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Việc quy định tỷ lệ đối ứng từ ngân sách địa phương không chỉ làm cho các địa phương có trách nhiệm hơn mà còn giúp các địa phương xác định kế hoạch, lộ trình cân đối, bố trí vốn ngân sách địa phương để ưu tiên, tập trung đầu tư thực hiện các tiêu chí trên địa bàn.

Chương trình đã đóng góp, tác động rất lớn đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, nhiều chỉ tiêu của Chương trình đã đạt mục tiêu đề ra góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế-xã hội của tỉnh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Các dự án, nội dung sử dụng vốn đầu tư, điển hình là các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng (*điện, đường, trường, trạm*), hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, quy hoạch sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư... mang lại hiệu quả và tính bền vững lâu dài, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Các nội dung, dự án hỗ trợ bằng nguồn vốn sự nghiệp đã tác động đến nền kinh tế, xã hội và đời sống của người dân như tạo việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo bền vững thúc đẩy công bằng xã hội, bình đẳng, thu hẹp khoảng cách.

- Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

+ Chương trình có tính chất đặc thù với những nội dung và mục tiêu mang tính chất tổng thể phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong quá trình thực hiện, các địa phương kiến nghị về việc giao dự toán cho chi tiết theo dự án thành phần, lĩnh vực chi, các địa phương không thực hiện được hoặc đề nghị chuyển lĩnh vực chi cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

+ Chương trình đôi khi trùng, chồng lấp giữa các Chương trình trên cùng địa bàn DTTS&MN (giảm nghèo, nông thôn mới) khi thực hiện gây nhiều lúng túng cho cán bộ cơ sở.

+ Một số nội dung hỗ trợ như đào tạo nghề, hỗ trợ chuyển đổi nghề hay tuyên truyền pháp luật có định mức chi thấp, khó thu hút các đơn vị có năng lực thực hiện tại vùng sâu vùng xa.

#### **4. Những vấn đề mới, phát sinh trong thực tiễn**

Qua tổng kết việc thi hành các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (Xây dựng nông

thôn mới; Giảm nghèo bền vững; Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN) giai đoạn 2021-2025, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn đã phát sinh một số vấn đề mới, đòi hỏi phải nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế phân bổ vốn trong giai đoạn tiếp theo.

*Thứ nhất*, chủ trương tích hợp 03 Chương trình mục tiêu quốc gia thành một Chương trình thống nhất theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 đặt ra yêu cầu thiết kế lại cơ chế phân bổ vốn theo hướng điều tiết tổng thể, tránh chồng chéo tiêu chí và bảo đảm phân bổ nguồn lực tập trung trên cùng địa bàn. Mô hình phân bổ riêng lẻ theo từng Chương trình như giai đoạn 2021–2025 không còn phù hợp với yêu cầu quản lý tích hợp, thống nhất về mục tiêu và tổng mức vốn.

*Thứ hai*, việc tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp (cấp tỉnh và cấp xã) từ năm 2025 làm thay đổi căn bản phương thức quản lý, phân bổ và sử dụng nguồn lực tại cơ sở. Cơ chế phân bổ vốn phải được thiết kế đơn giản, dễ áp dụng; đồng thời vẫn bảo đảm quản lý thống nhất về nguyên tắc và tổng mức vốn ở Trung ương.

*Thứ ba*, sự chênh lệch về điều kiện tự nhiên, địa hình, mật độ dân cư và chi phí đầu tư giữa các địa bàn ngày càng bộc lộ rõ trong quá trình thực hiện; trong khi cấu trúc tiêu chí hiện hành chủ yếu dựa trên đơn vị hành chính và phân loại mức độ khó khăn theo danh mục. Điều này đặt ra yêu cầu nghiên cứu hoàn thiện tiêu chí phân bổ theo hướng phản ánh sát hơn mức độ khó khăn thực chất và nhu cầu hỗ trợ của từng địa phương.

Những vấn đề mới phát sinh nêu trên có tính chất định hướng lại cấu trúc chính sách phân bổ vốn. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030.

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở tổng kết việc thi hành các Nghị quyết của HĐND tỉnh nhằm phục vụ trực tiếp cho việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Gia Lai áp dụng đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026–2030 theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất, kiến nghị một số nội dung như sau:

#### **1. Về định hướng hoàn thiện cơ chế phân bổ vốn ngân sách trung ương**

- Thực tiễn giai đoạn 2021-2025 cho thấy cơ chế phân bổ vốn theo từng Chương trình riêng lẻ đã phát huy hiệu quả trong điều kiện triển khai độc lập; tuy nhiên mô hình này bộc lộ giới hạn khi nhiều địa bàn đồng thời thụ hưởng từ nhiều Chương trình, làm phân tán nguồn lực và gia tăng chi phí điều hành.

- Cần nghiên cứu xây dựng cơ chế phân bổ tích hợp, thống nhất cho toàn bộ Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030, bảo đảm điều tiết tổng thể

nguồn lực trên cùng địa bàn, khắc phục tình trạng trùng lặp tiêu chí và phân bổ dàn trải.

## **2. Về cơ chế tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương**

- Tổng kết giai đoạn 2021–2025 cho thấy việc quy định tỷ lệ vốn đối ứng đã góp phần nâng cao trách nhiệm của địa phương trong tổ chức thực hiện Chương trình. Tuy nhiên, việc xác định tỷ lệ đối ứng trên cơ sở nhóm các đối tượng theo vùng (miền núi, trung du, đồng bằng) như trước đây không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

- Đề xuất cơ chế mới xác định tỷ lệ đối ứng theo khả năng cân đối ngân sách địa phương; không tạo áp lực vượt quá khả năng cân đối của địa phương; gắn trách nhiệm bố trí vốn đối ứng với trách nhiệm tổ chức thực hiện và kết quả đạt được.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Sở DT&TG;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- PGĐ Nguyễn Thị Thế Vy;
- Phòng KHTC, VP Sở; VPĐP XDNTM;
- Lưu: VT, CCPTNT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Thế Vy**

Số: /BC-STP

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

**BÁO CÁO**

**Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 5082/SNNMT-PTNT ngày 15/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị quyết, trên cơ sở đối chiếu Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Đầu tư công; Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035; Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Căn cứ Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

**I. Sự cần thiết ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết**



## **1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

Sở Tư pháp thống nhất với nội dung về cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn đã nêu tại Mục I dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai kèm theo Công văn số 5082/SNNMT-PTNT ngày 15/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

## **2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Thống nhất với phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết.

## **II. Sự phù hợp của nội dung dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng**

Nội dung dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng.

## **III. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của dự thảo Nghị quyết**

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Nội dung dự thảo Nghị quyết mang tính chất chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và môi trường nên Sở Tư pháp không tham gia, do đó, đề nghị Quý Sở rà soát để đảm bảo nội dung quy định phù hợp với các văn bản, hướng dẫn chuyên ngành.

## **IV. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính**

Dự thảo Nghị quyết không có nội dung quy định về thủ tục hành chính.

## **V. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Trên cơ sở nội dung tại Mục V dự thảo Tờ trình, ý kiến tham gia của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, việc thi hành Quyết định đảm bảo về nguồn tài chính; nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

## **VI. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn**

## thảo văn bản

### 1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo các yêu cầu về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và mẫu số 17 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, để dự thảo Nghị quyết được hoàn thiện, đề nghị cân nhắc một số nội dung sau:

a) Tại phần căn cứ ban hành văn bản:

- Tại căn cứ thứ 6 (Nghị định số 78/2025/NĐ-CP) và thứ 7 (Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), đề nghị bỏ các căn cứ này vì không cần thiết.

- Tại dòng “*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai...*”, chỉnh sửa thành “*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai...*” cho phù hợp và đúng với tên của dự thảo Tờ trình.

b) Khoản 3 Điều 8: Để đảm bảo đúng với tên gọi của văn bản và phù hợp về cách trình bày, đề nghị chỉnh sửa lại như sau:

“3. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025;

b) Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.”.

c) Về viện dẫn văn bản: Đề nghị rà soát và viện dẫn văn bản theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP: “a) Đối với văn bản được viện dẫn là luật, pháp lệnh, khi viện dẫn phải ghi đầy đủ tên văn bản và số, ký hiệu của văn bản...; Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản...; b) Đối với văn bản khác, khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản...; Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản.”.

## **2. Trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết**

Trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐCP.

## **VII. Điều kiện trình dự thảo Nghị quyết cho UBND tỉnh**

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo nội dung thẩm định tại Báo cáo này để đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết./.

### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, NV1.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Như Ý**

Số: /SNNMT-PTNT

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

V/v giải trình một số nội dung của Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau họp thẩm tra)

Kính gửi: Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh

Tiếp thu ý kiến góp ý tại cuộc họp thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai vào sáng ngày 20/5/2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo giải trình làm rõ và điều chỉnh một số nội dung của dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

### **I. Giải trình làm rõ một số nội dung của dự thảo Nghị quyết**

#### **1. Điểm a, c khoản 2 Điều 5 của dự thảo Nghị quyết:**

Căn cứ theo khoản 3 Điều 7 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ:

*“Địa phương có trách nhiệm bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn hợp pháp khác để thực hiện các nội dung của Chương trình không sử dụng vốn ngân sách trung ương, bao gồm:*

*a) Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN; ưu tiên hỗ trợ phường khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc phường vùng đồng bào DTTS&MN thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; thực hiện xây dựng nông thôn mới ở phường theo quy định tại Phụ lục III Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;*

*b)...*

*c) Hỗ trợ thực hiện các nội dung khác ở cấp tỉnh, cấp xã do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.”*

Theo căn cứ trên, đồng thời qua rà soát các nội dung Chương trình quy định tại Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030, Chương trình có 15 nội dung thành phần, 72 nội dung cụ thể bao trùm tất cả các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, trong đó có một số nội dung được thực hiện trên địa bàn xã, thôn; một số nội dung được thực hiện ở vùng đồng bào DTTS&MN; có những nội dung được thực hiện trên phạm vi cả tỉnh (bao gồm phường). Để tập trung ưu tiên nguồn lực thực hiện các nội dung thuộc Chương trình tại các phường, Sở Nông nghiệp và Môi trường dự thảo điểm a khoản 2 Điều 5 của dự thảo Nghị quyết quy định chi tiết một số nội dung ưu tiên thực hiện đối với việc hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN nhằm duy trì không còn hộ nghèo trên địa bàn, không tái nghèo và phát sinh mới trên địa bàn các phường. Những nội dung này đã được thực hiện ở 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, nay tích hợp thực hiện Chương trình chung giai đoạn 2026-2030 (trước đây được sử dụng nguồn vốn Trung ương). Đồng thời quy định rõ, chi tiết đối với việc hỗ trợ thực hiện các nội dung khác ở cấp tỉnh từ vốn ngân sách địa phương đối ứng tại điểm c khoản 2 Điều 5 của dự thảo Nghị quyết.

## **2. Mục 3.1 khoản 3 Điều 5 của dự thảo Nghị quyết:**

Trên cơ sở vận dụng hệ số phân bổ ngân sách trung ương, ưu tiên hỗ trợ cho các thôn, xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, hải đảo, hỗ trợ xã thuộc kế hoạch thực hiện và phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, đạt nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra đến năm 2030, toàn tỉnh có tối thiểu 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, có 10% số xã đạt nông thôn mới hiện đại; hỗ trợ cho xã, phường để thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và xây dựng nông thôn mới. Theo đó dự thảo Nghị quyết tại mục 3.1 khoản 3 Điều 5 của dự thảo Nghị quyết quy định:

a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1.

b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo: Hệ số 50. Các xã, phường thực hiện và phấn đấu đạt nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030: Hưởng hệ số bằng với xã khu vực III (Hệ số 50) để có nguồn lực thực hiện đạt Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại.

c) Xã, phường khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40. Các xã, phường thực hiện và phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: Hưởng hệ số bằng với xã, phường khu vực II (Hệ số 40) để có nguồn lực thực hiện đạt Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

d) Xã, phường khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30.

đ) Phường còn lại (*bố trí vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh để thực hiện các nội dung thuộc Chương trình*): Hệ số 30. Đối với các phường còn lại, điều kiện kinh tế- xã hội có phần thuận lợi hơn so với các xã, phường khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN. Tuy nhiên qua rà soát các nội dung Chương trình theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Nội dung phát triển cơ sở hạ tầng (sử dụng vốn đầu tư) thuộc Chương trình không quy định thực hiện trên địa bàn các phường còn lại. Do đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường dự thảo quy định hệ số đối với các phường còn lại (*bố trí vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh để thực hiện các nội dung thuộc Chương trình*) bằng hệ số của xã, phường khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN.

e) Xã còn lại: Hệ số 25. Tiếp thu ý kiến góp ý tại cuộc họp thẩm tra dự thảo Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện rà soát danh sách các xã còn lại trên địa bàn tỉnh, các xã này đều thuộc diện xã thực hiện và phấn đấu xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại, hưởng hệ số theo quy định tại điểm b, c mục 3.1 khoản 3 Điều 5 của dự thảo Nghị quyết. Sở Nông nghiệp và Môi trường xin điều chỉnh bỏ quy định tại điểm e mục 3.1 khoản 3 Điều 5 của dự thảo Nghị quyết này.

**3. Đối với đề nghị đưa tiêu chí về số lượng dân số là DTTS cư trú, sinh sống thực tế trên địa bàn xã để xác định điểm phân bổ:**

Trên cơ sở vận dụng theo quy định khoản 2 Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ, tiêu chí xác định tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương căn cứ vào 04 chỉ tiêu: (i) tỷ lệ nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương năm 2026 của tỉnh, thành phố; (ii) quy mô số xã; (iii) tỷ lệ nghèo đa chiều; (iv) quy mô dân số dân tộc thiểu số. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã dự thảo Nghị quyết của tỉnh đề xuất tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương dựa trên 03 chỉ tiêu để tính điểm: (i) tỷ lệ nhận bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh năm 2026 của xã, phường; (ii) tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2025 của xã, phường; (iii) dân số dân tộc thiểu số của xã, phường và tổ chức lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương về dự thảo Nghị quyết.

Tuy nhiên, qua cân đối nguồn ngân sách tỉnh và khả năng đối ứng của xã, phường, để đảm bảo hỗ trợ vốn cho các địa phương thực hiện Chương trình, Sở Tài chính tham gia ý kiến đề nghị điều chỉnh tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương: Đối với nguồn vốn sự nghiệp, ngân sách tỉnh đảm bảo 100% vốn đối ứng để thực hiện Chương trình. Đối với nguồn vốn đầu tư, thống nhất chung về mức hỗ trợ vốn đầu tư công ngân sách tỉnh cho các xã theo Nghị quyết HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai được trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp thứ 3 (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XIII.

## **II. Điều chỉnh một số nội dung của dự thảo Nghị quyết**

1. Tại phần căn cứ ban hành Nghị quyết: “*Báo cáo thẩm tra số*        /BC-KTNS ngày        tháng        năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân

dân” điều chỉnh thành: “*Báo cáo thẩm tra số /BC-BDT ngày tháng năm 2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh*”.

2. Điểm b khoản 1 Điều 5: “*Đối với nguồn kinh phí thường xuyên, ngân sách tỉnh đảm bảo 100% vốn đối ứng để thực hiện Chương trình.*”, điều chỉnh thành: “*Đối với nguồn vốn sự nghiệp, ngân sách tỉnh đảm bảo 100% vốn đối ứng để thực hiện Chương trình.*” Lý do: Theo ý kiến góp ý của Sở Tài chính thống nhất điều chỉnh từ “*kinh phí thường xuyên*” thành “*nguồn vốn sự nghiệp*” để đúng tính chất nguồn kinh phí.

3. Bỏ quy định tại điểm e mục 3.1 khoản 3 Điều 5 của dự thảo Nghị quyết: “*e) Xã còn lại: Hệ số 25.*”

4. Điều chỉnh khoản 2 Điều 6: “*Đối với các công trình, dự án do cấp xã tổ chức thực hiện: Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và hỗ trợ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*”, điều chỉnh thành: “*Tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các xã, phường được áp dụng tương ứng với tỷ lệ mức hỗ trợ ngân sách tỉnh cho các dự án trên địa bàn các xã, phường được quy định tại Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và hỗ trợ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*” Lý do: Tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tài chính để rõ nghĩa và rõ nguồn kinh phí hơn.

(Dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, CCPTNT.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Thế Vy**